CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH XÂY LẮP

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP. HCM (SAIGON PETRO CO.,LTD)
Công trình : Cải tạo các tuyến ống đầu cầu cảng A/B và dọc cầu cảng B
Địa điểm : NMLD Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

Chủ đầu tư
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP. HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Q.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH

Dương Văn Khanh

Phát hành ngày 06 /10 /2026

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH
(SAIGON PETRO CO., LTD.)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o()o-----

THÔNG BÁO MỜI THẦU

1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP. HCM (Saigon Petro Co., Ltd.) tổ chức chào hàng cạnh tranh xây lắp :
Công trình : Cải tạo các tuyến ống đầu cầu cảng A/B và dọc cầu cảng B
Địa điểm : NMLD Cát Lái - 990 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Tp. HCM

2. Thời gian thi công quy định tối đa là **150 ngày** *(không bao gồm chủ nhật và ngày lễ)*

3. Saigon Petro trân trọng kính mời:.....
tham dự chào hàng cạnh tranh xây lắp **công trình nêu trên**. Quý công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin tại:

Phòng Quản lý Vật tư & XDCB
Địa chỉ : Phòng 305 - 27 Nguyễn Thông - Quận 3 - Tp. HCM,
Điện thoại: (028)39.307 991, Fax (028) 39307642

4. Phát hành HSYC miễn phí từ **ngày**06/10/**2026 đến trước 10 giờ 00 ngày**15/10/**2026**.

5. Khảo sát hiện trường: Bên mời thầu sẽ tổ chức hướng dẫn tham quan hiện trường (phương tiện các nhà thầu tự túc) vào lúc **09 giờ 00 ngày** 09 **tháng**10 **năm 2026** tại địa điểm **NMLD Cát Lái - 990 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh**, do **Anh Minh** hướng dẫn – **ĐT : 0982870272**, sau đó giải đáp các câu hỏi của các nhà thầu.

7. Hồ sơ đề xuất phải được niêm phong và chuyển đến Phòng Quản lý Vật tư & XDCB thuộc Saigon Petro trước **10 giờ 00 phút ngày**15/10/**2026** (thời điểm đóng thầu), kèm theo bảo đảm dự thầu (nộp tại Saigon Petro) với giá trị **80,000,000 đồng (Tám mươi triệu đồng).**

8. Dự kiến Hồ sơ đề xuất sẽ được mở vào khoảng **10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày** 15./10./**2026** tại Phòng họp của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM: số 27 Nguyễn Thông – Phường Xuân Hòa – Tp. HCM.

9. Mọi sự thay đổi dữ kiện mời thầu (nếu có) Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM sẽ thông báo bằng văn bản gửi đến các đơn vị dự thầu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Chủ đầu tư là bên mời thầu đối với gói thầu này
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu : Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: **Cải tạo các tuyến ống đầu cầu cảng A/B và dọc cầu cảng B**

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM.

3. Loại hợp đồng: **theo đơn giá cố định**. Hợp đồng sẽ được thanh toán theo khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu với đơn giá hợp đồng.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: **150 ngày** (không bao gồm chủ nhật và ngày lễ)

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật;

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất *trước thời điểm đóng thầu 3 ngày làm việc*. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn trước thời điểm đóng thầu 3 ngày làm việc.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSĐX, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi

HSYC.

3. Khảo sát hiện trường

Nhà thầu sẽ được khảo sát thực tế tại Nhà máy lọc dầu Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định P.Cát Lái Tp. Hồ Chí Minh theo thông báo mời thầu trong HSYC. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. **Mọi sai sót, rủi ro do nhà thầu không tham dự khảo sát thì nhà thầu tự chịu trách nhiệm.**

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng cạnh tranh.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Bảo đảm dự thầu bằng tiền mặt hoặc Thư bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định của HSYC;

4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột "Mô tả công việc mời thầu" tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song **phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu**. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của nhà thầu; **trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSĐX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.**

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ ***các chi phí vận chuyển vật tư, biện pháp thi công, dọn dẹp mặt bằng, thí nghiệm, hoàn công,... và các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu*** theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nói trên

thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức tiền mặt.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **80,000,000 đồng** (*Bằng chữ : Tám mươi triệu đồng*)

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **70 ngày**.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu, chủ đầu tư.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của HSYC.

Mục 10. Quy cách HSĐX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị **01 bản gốc cùng 01 bản chụp** HSĐX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT".

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSĐX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ".

2. Túi đựng HSĐX, HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSĐX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. **Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.**

4. Tất cả các thành phần của HSĐX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSĐX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSĐX của tất cả nhà thầu nộp HSĐX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC (nếu có) khi HSĐX được tiếp nhận. **Trường hợp nhà thầu nộp HSĐX sau thời điểm đóng thầu thì HSĐX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu**.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSĐX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSĐX thì nhà thầu nộp HSĐX thay thế hoặc HSĐX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSĐX của các nhà thầu trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu tại địa điểm bên mời thầu trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSĐX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSĐX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. **Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá**;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSĐX nào khi mở thầu, trừ các HSĐX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSĐX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của bên mời thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà thầu phụ: không áp dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSĐX; HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSĐX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSĐX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSĐX, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có);

c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSĐX, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSĐX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực

hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá chào;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro., Ltd.) áp dụng Điểm b) Khoản 2 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội và các nội dung trong Hồ sơ yêu cầu này để xem xét, đánh giá và lựa chọn nhà thầu.

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp nhà thầu sử dụng Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 9 Chương V theo quy định của chủ đầu tư.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM

Địa chỉ : 27 Nguyễn Thông P.Xuân Hòa Tp.HCM

ĐT : 02839307991. Fax : 02839307642 – Gửi Phòng QLVT-XDCB.

Mục 22. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ nêu trên.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;

đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Đã từng thi công tối thiểu **02** công trình tương tự trong kho xăng dầu, gas, hóa chất (có nguy cơ cháy nổ cao) với giá hợp đồng **lớn hơn 02 tỷ đồng**	*Có đủ 02 hợp đồng và biên bản nghiệm thu công trình thỏa mãn yêu cầu (hoặc hóa đơn giá trị gia tăng)*	Đạt
	Không có hợp đồng thỏa mãn yêu cầu hoặc không đầy đủ.	Không đạt
2.2. Nhân sự dự kiến cho vị trí chỉ huy trưởng công trường (đã từng tham gia có quy mô tương tự và lớn hơn)	*Có và kèm hồ sơ chứng minh*	Đạt
	Không có	Không đạt
2.3. Danh sách công nhân lành nghề có Giấy chứng nhận huấn luyện PCCC của cơ quan chức năng.	*Có danh sách và Giấy chứng nhận huấn luyện PCCC của cơ quan chức năng theo yêu cầu*	Đạt
	Không có danh sách hoặc không đầy đủ Giấy chứng nhận huấn luyện PCCC của cơ quan chức năng	Không đạt
2.4. Danh mục các máy móc trong thi công dân dụng (máy cắt thép, máy hàn, cẩu thùng,..) phù hợp gói thầu, sở hữu hoặc thuê	*Có danh sách theo yêu cầu*	Đạt
	Không có	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 2.1, 2.2, 2.3 và 2.4 được xác định là đạt.	***Đạt***

	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	***Không đạt***

Nhà thầu có HSĐX được đánh giá là **Đạt**, sẽ đánh giá tiếp về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
3.1. Biện pháp tổ chức kỹ thuật tháo dỡ, đấu nối, vận chuyển, gia công, lắp đặt,…	*Có biện pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công và công trình hiện hữu.*	Đạt
	Có biện pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công và công trình hiện hữu.	Không đạt
3.2. Thời gian thi công: đảm bảo không quá 150 ngày	*Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 150 ngày.*	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 150 ngày.	Không đạt
3.3. Biện pháp an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường	*Có biện an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công*	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 3.1, 3.2 và 3.3 được xác định là đạt.	***Đạt***
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	***Không đạt***

Nhà thầu có HSĐX được đánh giá là **đạt**, sẽ đánh giá tiếp về giá tại mục 4.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói

thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án (nếu có): _____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu], MST _[Ghi mã số thuế của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu ____*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày[4], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____[5].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu[6]
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải bao gồm thuế VAT, cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, **không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện** gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của _ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại _ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu], MST _[Ghi mã số thuế của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho _ *[Ghi tên, số CCCD, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu _ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án (nếu có)_ *[Ghi tên dự án]* do Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] (2)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____(3). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà

cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 04a

THƯ BẢO LÃNH DỰ THẦU
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.
(sau đây gọi là "Bên mời thầu")

Căn cứ vào việc Công ty ..... Mã số thuế ..... địa chỉ.....(sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự đấu thầu gói thầu.....

Chúng tôi, Ngân Hàng :
Chi nhánh :
Địa chỉ :
(sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng cam kết với Bên mời thầu bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ..... (Bằng chữ:.....).

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên trong vòng 5 (năm) ngày làm việc khi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và

- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên mời thầu yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trong đó thông báo Nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong Hồ sơ mời thầu mà không cần chứng minh hay giải thích.

Bảo lãnh này có hiệu lực ngày phát hành đến hết giờ làm việc ngày .....tháng ..... năm..... (sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực").

Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi trong Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn ở số tiền ..... (Bằng chữ:.....) và trong thời hạn hiệu lực nêu trên. Sau thời hạn nêu trên, thư bảo lãnh này sẽ tự động không còn giá trị hiệu lực dù cho bản gốc Thư bảo lãnh này có được gửi trả lại cho Ngân hàng chúng tôi hay không.

Trong thời hạn hiệu lực trên, Thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này phải được gửi đến Ngân hàng trước hoặc chậm nhất vào ngày hết hiệu lực nêu trên.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.

Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).

Mẫu số 05

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Bên mời thầu sẽ đưa ra bảng tiên lượng phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công đính kèm HSYC này. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu không nói rõ thì sẽ được hiểu đã bao gồm các loại thuế và phí theo quy định.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Hạng mục A**			
	…			
II	**Hạng mục B**			
	…			
	Tổng cộng			

Ghi chú :

+ **Đơn giá chào phải bao gồm thuế VAT 8%, nhà thầu không nói gì về thuế VAT thì được hiểu đã bao gồm VAT.**

+ Đơn giá chào là đơn giá khoán gọn gồm tất cả các thành phần công việc, công tác phụ liên quan để thi công hoàn chỉnh công việc, bao gồm : giá vật tư (kể cả chi phí vận chuyển, hao hụt), giá máy thi công, giá nhân công, kho tàng, lán trại tạm, văn phòng làm việc, lợi nhuận, chi phí quản lý của nhà thầu và toàn bộ các loại thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế vốn, …), **chi phí biện pháp thi công, chi phí kiểm định, chi phí thí nghiệm theo thiết kế và TCVN, chi phí dọn dẹp hoàn trả mặt bằng trước và sau khi thi công,** các loại bảo hiểm mà nhà thầu phải chịu quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

+ Nhà thầu có thể tính toán kiểm tra lại khối lượng, thành phần công việc chào thầu dựa trên Hồ sơ thiết kế và Bảng tiên lượng mời thầu. Trường hợp căn cứ vào hồ sơ thiết kế nhà thầu phát hiện có công tác, khối lượng nào đó thừa, bị thiếu hoặc không có so với Bảng Tiên lượng mời thầu, thì khi lập giá dự thầu nhà thầu có bảng diễn giải bổ sung riêng. Công tác hoặc khối lượng chênh lệch này nếu thực sự cần thiết và hợp lý sẽ được bên mời thầu xem xét trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.

Mẫu số 06

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT[(1)]

1.	Vị trí công việc: *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
	Tên: *[ghi tên nhân sự chủ chốt]*
2.	Vị trí công việc: *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
	Tên: *[ghi tên nhân sự chủ chốt]*
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

Chương IV. YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:
Gói thầu **Cải tạo các tuyến ống đầu cầu cảng A/B và dọc cầu cảng B** tại NMLD Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp.Hồ Chí Minh bao gồm các trình tự cơ bản sau :

+ Tháo dỡ các tuyến ống và hứng dầu, van, bơm mini cấp dầu trong lần lượt các ống công nghệ cũ hiện hữu theo thiết kế, vận chuyển về Kho Nhà máy, khu vực gia công hoặc đến nơi để tận dụng. Các vật tư, thiết bị có thể tận dụng thì nhà thầu phải cẩn thận khi tháo dỡ và bảo quản tốt.
+ Cung cấp vật tư phụ, thi công hoàn chỉnh các tuyến ống công nghệ theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.
+ Thực hiện mọi phép thử nghiệm, kiểm tra mối hàn, vệ sinh bàn giao và lập hồ sơ, tài liệu kỹ thuật các loại vật tư, ống, phụ kiện ống, bán thành phẩm ống đã gia công.
+ Làm sạch bề mặt ống và các phụ kiện ống công nghệ đạt ST2 và sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ, mỗi lớp dày 40 micron (Sơn Jotun hoặc tương đương).
+ Khoan lỗ Ø14 trên support hiện hữu để lắp các Ubolt giữ các ống công nghệ lắp ở trên tương ứng cho mỗi loại ống.
+ Chịu chi phí về nghiệm thu, kiểm tra, thí nghiệm để hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (nếu có).
+ Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với giám sát thi công của phòng QLKT&SX thuộc Saigon Petro và NMLD Cát Lái để sắp xếp thời gian tháo dỡ, đấu nối ống, thiết bị liên hoàn nhằm không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Chủ đầu tư (Saigon Petro) hay hoạt động của nhà thầu khác trong khu vực (nếu có), tạm dừng thi công theo yêu cầu của Nhà máy Cát Lái, Tổ giám sát của Saigon Petro và tiến độ công trình.
+ Nhà thầu thi công theo các tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo được thể hiện trong Hồ sơ thiết kế, HSYC, yêu cầu kỹ thuật thi công được phê duyệt. Nhà thầu phải chấp nhận thi công khi có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của phòng QLKT&SX của Saigon Petro để đảm bảo việc thi công được an toàn, đúng theo nhu cầu sử dụng thực tế tại hiện trường.

2. Chủ đầu tư : Công ty TNHH một thành viên dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro Co.;Ltd).
3. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu : Quyết định số ...../QĐ-DK-VTXDCB ngày ...../...../2026.
4. Địa điểm và điều kiện thi công :
- Địa điểm : 990 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp.Hồ Chí Minh.
- Điều kiện thi công : *Do đặc thù của công trình nằm trong Nhà máy Cát Lái nên Nhà thầu cần **đảm bảo an toàn tuyệt đối về phòng chống cháy nổ** theo Quy định của Nhà máy Cát Lái. Có biện pháp, tiến độ thi công rõ ràng và thỏa thuận với Nhà máy Cát Lái và giám sát Chủ đầu tư trước khi thi công. Ngoài ra, phải đảm bảo việc thi công không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Chủ đầu tư, các biện pháp đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, các điều kiện an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, tránh ảnh hưởng đến các công trình lân cận và ảnh hưởng đến tiến độ hay cản trở việc thi công của hạng mục công trình có liên quan. Nhà máy Cát Lái có nguồn điện, nước sẽ hỗ trợ cho Nhà thầu với **đơn giá điện, nước theo quy định của Saigon Petro**, Nhà thầu tự trang bị dây và đồng hồ có kiểm định đấu nối để sử dụng, chi phí sử dụng điện, nước này sẽ phải thanh toán với Chủ đầu tư trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Việc Saigon Petro cung cấp điện nước cho Nhà thầu là không bắt buộc do đó trong trường hợp Saigon Petro không thể cung cấp điện nước, Nhà thầu phải chủ động tự cung cấp tránh ảnh hưởng đến tiến độ đã cam kết. Các điều kiện khác nhà thầu tìm hiểu thêm khi khảo sát hiện trường.*

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ

Thời gian thi công tối đa là: **150 ngày** *(không bao gồm chủ nhật và ngày lễ)* **kể từ ngày khởi công.**

Mục 3. Biện pháp thi công

Công tác tổ chức thi công ngoài việc tuân thủ theo tiêu chuẩn, qui phạm do Nhà nước ban hành, còn phải lưu ý thêm các vấn đề sau :

- Nhà thầu phải tuân thủ tuyệt đối về an toàn lao động và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thi công.

- Do công trình được xây dựng trong khu vực tuyến ống xuất nhập xăng dầu đầu cầu cảng A/B và dọc cầu cảng B nên Nhà thầu thi công phải tuân thủ tuyệt đối về an toàn PCCC.

- Tổ chức thi công hợp lý đảm bảo an toàn thông suốt cho các phương tiện giao thông. Không gây ách tắc, không làm ảnh hưởng, hư hỏng cơ sở hạ tầng của khu vực: đường giao thông, không ảnh hưởng đến công trình xung quanh, đảm bảo trật tự an ninh, an toàn PCCC trong suốt thời gian từ ngày khởi công cho đến khi bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Lưu ý: Việc gia công các bán thành phẩm (ống, phụ kiện ống,...) đòi hỏi phải đảm bảo chính xác, tối ưu, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với giám sát thi công của phòng QLKT&SX và NMLD Cát Lái để sắp xếp thời gian tháo dỡ, đấu nối ống, thiết bị liên hoàn toàn bộ hệ thống công nghệ nhằm không ảnh hưởng đến việc nhập xuất hàng, tạm dừng thi công theo yêu cầu của NM, Tổ giám sát của Saigon Petro và tiến độ công trình.

Mục 4. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

Nhà thầu tập kết các nguyên vật liệu, máy móc thiết bị gọn gàng, đúng vị trí theo hướng dẫn của cán bộ PCCC và cán bộ giám sát của Chủ đầu tư.

Các phương tiện cơ giới lớn phục vụ thi công: máy cẩu, xe tải không được cản trở và vận chuyển vật tư không được để rơi vãi trên đường giao thông.

Dọn dẹp vệ sinh tổng mặt bằng trước khi bàn giao công trình.

Mục 5. Yêu cầu về kỹ thuật

- Tuân thủ Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu của Bộ Xây dựng ban hành.
- Nghị định số 207/2026/NĐ–CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các thông tư, quy định liên quan.

Các tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước và nước ngoài được áp dụng trong nội dung "Yêu cầu kỹ thuật thi công" gồm:

Stt	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
1	Tổ chức thi công	TCVN 4055–2012
2	Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 6008-2010
3	Thi công nghiệm thu các công tác nền móng	TCXD 79–1980
4	Nghiệm thu các công trình xây dựng	TCVN 4091–1985
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 356–2005
6	Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu. Nghiệm thu chạy thử	TCVN 4606–1988
7	Standards of pipes and Fittings (Tiêu chuẩn ANSI/ASME về ống và phụ kiện ống)	ASME/ANSI B16
8	Welded and seamless steel pipe (Ống thép hàn và ống thép đúc)	ASME/ANSI B36.10M
9	ASME Section IX PART QW WELDING (Tiêu chuẩn hàn)	

Và các tiêu chuẩn Việt nam khác quy định về các điều kiện kỹ thuật, an toàn, PCCC, … liên quan đến phạm vi thi công gói thầu này.

Ngoài ra còn có các yêu cầu kỹ thuật khác như sau :

1. Nhà thầu thỏa thuận với giám sát Chủ đầu tư và Nhà máy kế hoạch, tiến độ, biện pháp thi công thi công.
2. Nhà thầu tuân thủ mọi hướng dẫn của Nhà máy Cát Lái đối với vị trí tập kết thiết bị vật tư, đường vận chuyển thiết bị vật tư, giới hạn diện tích thi công, khu vực gia công, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy nói riêng và của Chủ đầu tư nói chung.
3. Nhà thầu phải hiểu rõ điều kiện thi công thực tế, chấp nhận việc đôi khi phải điều chỉnh thời gian thi công do yêu cầu của Chủ đầu tư.
4. Các thiết bị điện, nước (đồng hồ, dây dẫn,...) phải được Nhà máy kiểm tra, chấp thuận về mặt an toàn và mức độ tin cậy.
5. Mọi công tác gia công thép sử dụng máy cắt, hàn,... phải có kế hoạch hàng tuần và được Nhà máy Cát Lái chấp thuận, 100% thời gian thi công lửa hở có mặt giám sát Chủ đầu tư và cán bộ PCCC của Nhà máy Cát Lái.
6.Tất cả các mẫu vật liệu, vật tư và thiết bị được đưa vào thi công, lắp đặt vào công trình phải có kiểm định, tiêu chuẩn chất lượng và chủng loại tối thiểu đáp ứng Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật thi công và HSYC. Mọi sự thay đổi về chủng loại vật tư, thiết bị phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế bằng văn bản.
7.Trường hợp cần thiết phải đưa vào công trình một số vật tư thiết bị khác mẫu đã quy định, nhà thầu phải thử mẫu, cung cấp kết quả thử mẫu cho Chủ đầu tư để xem xét quyết định.

Mục 6. Các bản vẽ

STT	Tên bản vẽ	Kí hiệu
1	Mặt bằng tháo dỡ đường ống từ đầu cầu B đến giữa bờ kè	1/14
2	Mặt bằng tháo dỡ đường ống từ giữa bờ kè đến đầu cầu A	2/14
3	Mặt bằng đường ống mới từ đầu cầu B đến giữa bờ kè	3/14
4	Mặt bằng đường ống mới từ giữa bờ kè đến đầu cầu A	4/14
5	Isometric tuyến ống DO 12in mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	5/14
6	Isometric tuyến ống 4in gas mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	6/14
7	Isometric tuyến ống 6in gas mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	7/14
8	Isometric tuyến ống 12in xăng A95 mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	8/14
9	Isometric tuyến ống 10in Jet mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	9/14
10	Isometric tuyến ống 8in DO mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	10/14
11	Isometric tuyến ống 4in nước sạch mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	11/14
12	Isometric tuyến ống 8in PCCC mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	12/14
13	Isometric tuyến ống cấp dầu 1in1/2 mới từ đầu cầu B đến đầu cầu A	13/14
14	MB tổng thể tháo dỡ tuyến ống nhập Jet A1 cầu cảng B	01/02
15	Isometric tuyến ống nhập 10" Jet A1	02/02
16	Isometric tuyến ống nhập Ethanol từ đầu cầu dẫn B đến đầu cầu dẫn A	01/02
17	Isometric tuyến ống nhập Ethanol trên cầu dẫn cảng B	02/02

Mục 7. Tiên lượng mời thầu

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	K.LƯỢNG DỰ TOÁN	GHI CHÚ
A	**TUYẾN ỐNG TỪ ĐẦU CẦU CẢNG A ĐẾN ĐẦU CẦU CẢNG B (MTS: 2052)**			
I	**VỆ SINH ỐNG VÀ KẾT CẤU XÂY DỰNG HIỆN HỮU**			

1	**Vệ sinh lòng ống FO đã tháo dỡ tập kết tại kho NMLD bằng dung môi thích hợp.**			
	Ống 12" FO	m	186	
2	**Tháo dỡ ống và phụ kiện, hứng dầu, mang về kho NMLD hoặc nơi tận dụng (cần bảo quản cẩn thận để sử dụng lại)**			
	Ống 12" DO	m	197,5	
II	**GIA CÔNG MỚI VÀ LẮP DỰNG ỐNG TẠI VỊ TRÍ MỚI**			
1	**GCLD Ống thép đúc (API pipes Sch 40)**			**B cấp**
	Ống 12" DO làm mới	m	18,8	
	Ống 12" DO tận dụng	m	186	A cấp,tận dụng cũ
	Ống 8"	m	0,2	
2	**GCLD Mặt bích -lắp với ống hệ ANSI 150, Sch40**			**B cấp**
	Mặt bích 12" (12" hệ ANSI 150)	cái	14	
	Mặt bích 8" (8" hệ ANSI 150)	cái	1	
	Mặt bích mù 8" (8" hệ ANSI 150)	cái	1	
3	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 90 deg, Sch 40**			**B cấp**
	12"	cái	2	
4	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 45 deg, Sch 40**			**B cấp**
	12"	cái	5	
5	**GCLD Nối rẽ cổ áo (Tees), Sch40**			
	12"-8"-12"	cái	1	Tee cấy
6	**CCLD Gioăng (GASTKET), Tombo 1935 dày 3mm**			**B cấp**
	12"	cái	19	
	8"	cái	1	
7	**CCLD Bu-lông 8.8**			**B cấp**
	M22x100 (lắp bích 12",10")	bộ	228	8.8
	M20x90 (lắp bích 8")	bộ	8	8.8
8	**Khoan lỗ Ø14 lắp Ubolt trên support hiện hữu**	lỗ	66	
9	**CCLD Ubolt M12**			**B cấp**
	12"	bộ	33	
10	**Thử áp ống sau gia công (16kg/cm²)**	m		
	Ống 12"	m	204,80	
	Ống 8"	m	0,20	
11	**Thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt với áp lực (12kg/cm²)**	toàn bộ	1,00	

12	**Làm sạch bề mặt các kết cấu thép đạt tiêu chuẩn ST2**	m2	224,85	
13	**Sơn 02 lớp chống rỉ, 02 lớp phủ. Chiều dày trung bình mỗi lớp sơn là 40micron**	m2	224,85	**B cấp**
III	**THÁO DỠ THIẾT BỊ, ỐNG VÀ KẾT CẤU XÂY DỰNG HIỆN HỮU**			
1	**Tháo dỡ ống và phụ kiện (hứng dầu), thiết bị mang về kho NMLD hoặc nơi tận dụng (cần bảo quản cẩn thận để sử dụng lại)**			
	Ống 10"	m	199	
	Ống 8"	m	421,5	
	Ống 4"	m	201	
	Ống 1"1/2	m	150,5	
	Van cổng			
	8"	cái	2	
2	**Tháo dỡ bơm mini cấp dầu mang đến vị trí lắp đặt lại**	bộ	1	
IV	**GIA CÔNG MỚI VÀ LẮP DỰNG ỐNG TẠI VỊ TRÍ MỚI**			
1	**GCLD Ống thép đúc (API pipes Sch 40)**			**B cấp**
	Ống 12"	m	81,8	
	Ống 12"	m	120	A cấp, tận dụng
	Ống 10"	m	32,8	
	Ống 10"	m	156	A cấp, tận dụng
	Ống 8"	m	441,6	
	Ống 4"	m	201,9	
	Ống 1"1/2	m	153,5	
2	**GCLD Mặt bích -lắp với ống hệ ANSI 150, Sch40**			**B cấp**
	Mặt bích 12" (12" hệ ANSI 150)	cái	42	
	Mặt bích 10" (10" hệ ANSI 150)	cái	41	
	Mặt bích 8" (8" hệ ANSI 150)	cái	106	
	Mặt bích 4" (4" hệ ANSI 150)	cái	40	
	Mặt bích 1"1/2 (1"1/2 hệ ANSI 150)	cái	32	
3	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 90 deg, Sch 40**			**B cấp**
	12"	cái	1	
	10"	cái	1	
	8"	cái	10	
	4"	cái	4	
	1"1/2	cái	5	

4	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 45 deg, Sch 40**			**B cấp**
	12"	cái	6	
	10"	cái	4	
	8"	cái	13	
	4"	cái	3	
	1"1/2	cái	3	
5	**GCLD Nối rẽ cổ áo (Tees), Sch40**			
	8"-8"-8"	cái	2	Tee cấy
6	**GCLD Giảm lệch tâm, Sch 40**			**B cấp**
	12"-10"	cái	2	
	10"-08"	cái	2	
7	**GCLD Van cổng**			**B cấp**
	12"	cái	1	Van Kitz hoặc tương đương
	8" tận dụng	cái	2	A cấp, tận dụng cũ
8	**LD lại bơm mini cấp dầu**	bộ	1	**A cấp, tận dụng cũ**
9	**CCLD Gioăng (GASTKET), Tombo 1935 dày 3mm**			**B cấp**
	12"	cái	20	
	10"	cái	2	
	8"	cái	56	
	4"	cái	19	
	1"1/2	cái	17	
10	**CCLD Bu-lông 8.8**			**B cấp**
	M22x100 (lắp bích 12",10")	bộ	480	8.8
	M20x90 (lắp bích 8")	bộ	448	8.8
	M18x80 (lắp bích 4")	bộ	152	8.8
	M12x40 (lắp bích 1"1/2)	bộ	68	8.8
11	**Khoan lỗ Ø14 lắp Ubolt trên support hiện hữu**	lỗ	386	
12	**CCLD Ubolt M12**			**B cấp**
	12"	bộ	33	
	10"	bộ	33	
	8"	bộ	99	
	4"	bộ	33	
	1"1/2	bộ	28	
13	**Thử áp ống sau gia công (16kg/cm²)**	m		
	Ống 12"	m	201,80	
	Ống 10"	m	188,80	
	Ống 8"	m	441,60	

	Ống 4"	m	201,90	
	Ống 1"1/2	m	153,50	
14	**Thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt với áp lực (12kg/cm²)**	toàn bộ	1,00	
15	**Làm sạch bề mặt các kết cấu thép đạt tiêu chuẩn ST2**	m2	821,75	
16	**Sơn 02 lớp chống rỉ, 02 lớp phủ. Chiều dày trung bình mỗi lớp sơn là 40micron**	m2	821,75	**B cấp**
B	**ỐNG JET A1 CẦU CẢNG B (MTS: 2052)**			
I	**THÁO DỠ THIẾT BỊ, ỐNG VÀ KẾT CẤU XÂY DỰNG HIỆN HỮU**			
1	**Tháo dỡ ống và phụ kiện (hứng dầu), thiết bị mang về kho NMLD hoặc nơi tận dụng (cần bảo quản cẩn thận để sử dụng lại)**			
	Ống 8"	m	230	
	Van cổng			
	8"	cái	2	
II	**GIA CÔNG MỚI VÀ LẮP DỰNG ỐNG TẠI VỊ TRÍ MỚI**			
1	**GCLD Ống thép đúc (API pipes Sch 40)**			**B cấp**
	Ống 10"	m	230,3	
2	**GCLD Mặt bích -lắp với ống hệ ANSI 150, Sch40**			**B cấp**
	Mặt bích 10" (10" hệ ANSI 150)	cái	77	
	Mặt bích 8" (8" hệ ANSI 150)	cái	1	
3	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 90 deg, Sch 40**			**B cấp**
	10"	cái	3	
4	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 45 deg, Sch 40**			**B cấp**
	10"	cái	2	
6	**GCLD Giảm lệch tâm, Sch 40**			**B cấp**
	10"-08"	cái	1	
7	**GCLD Van cổng**			**B cấp**
	10"	cái	1	Van Kitz hoặc tương đương
10	**CCLD Gioăng (GASTKET), Tombo 1935 dày 3mm**			**B cấp**
	10"	cái	40	
	8"	cái	1	
11	**CCLD Bu-lông 8.8**			**B cấp**
	M22x100 (lắp bích 12",10")	bộ	488	8.8

12	**Khoan lỗ Ø14 lắp Ubolt trên support hiện hữu**	lỗ	80	
13	**CCLD Ubolt M12**			**B cấp**
	10"	bộ	40	
14	**Thử áp ống sau gia công (16kg/cm²)**	m		
	Ống 10"	m	230,30	
15	**Thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt với áp lực (12kg/cm²)**	toàn bộ	1,00	
16	**Làm sạch bề mặt các kết cấu thép đạt tiêu chuẩn ST2**	m2	211,48	
17	**Sơn 02 lớp chống rỉ, 02 lớp phủ. Chiều dày trung bình mỗi lớp sơn là 40micron**	m2	211,48	**B cấp**
C	**TUYẾN ỐNG NHẬP ETHANOL CẦU CẢNG B (MTS: 2052)**			
I	**GIA CÔNG MỚI VÀ LẮP DỰNG ỐNG TẠI VỊ TRÍ MỚI**			
1	**GCLD Ống thép đúc (API pipes Sch 40)**			**B cấp**
	Ống 8"	m	418,1	
	Ống 6"	m	6,6	
2	**GCLD Mặt bích -lắp với ống hệ ANSI 150, Sch40**			**B cấp**
	Mặt bích 8" (8" hệ ANSI 150)	cái	118	
	Mặt bích mù 8" (8" hệ ANSI 150)		1	
	Mặt bích 6" (6" hệ ANSI 150)	cái	6	
3	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 90 deg, Sch 40**			**B cấp**
	8"	cái	3	
	6"	cái	1	
4	**GCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 45 deg, Sch 40**			**B cấp**
	8"	cái	6	
5	**GCLD Giảm lệch tâm, Sch 40**			**B cấp**
	8"-6"	cái	1	
6	**GCLD Van cổng**			**B cấp**
	8"	cái	2	Van Kitz hoặc tương đương
	6"	cái	1	Van Kitz hoặc tương đương
7	**CCLD Gioăng (GASTKET), Tombo 1935 dày 3mm**			**B cấp**
	8"	cái	62	
	6"	cái	4	

8	**CCLD Bu-lông**			**B cấp**
	M20x90 (lắp bích 8")	bộ	496	8.8
	M18x80 (lắp bích 6")	bộ	32	8.8
9	**Khoan lỗ Ø14 lắp Ubolt trên support hiện hữu**	lỗ	178	
10	**CCLD Ubolt M12**			**B cấp**
	8"	bộ	85	
	6"	bộ	4	
11	**Thử áp ống sau gia công (16kg/cm²)**	m		
	Ống 8"	m	418,10	
	Ống 6"	m	6,60	
12	**Thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt với áp lực (12kg/cm²)**	toàn bộ	1,00	
13	**Làm sạch bề mặt các kết cấu thép đạt tiêu chuẩn ST2**	m2	313,99	
14	**Sơn 02 lớp chống rỉ, 02 lớp phủ. Chiều dày trung bình mỗi lớp sơn là 40micron**	m2	313,99	**B cấp**

Ghi chú : - *Toàn bộ vật tư do Bên B cấp, Bên A chỉ cấp vật tư, thiết bị tận dụng.*
- *Van là van Kitz hoặc tương đương, sơn sắt thép là sơn Jotun hoặc tương đương, que hàn sử dụng Kiswel KR 3000.*

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____
Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]
Địa điểm: _____ [Ghi tên địa điểm]
- Căn cứ ___ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];
- Căn cứ ____ [Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025];
- Căn cứ___[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ Quyết định số ___ngày __tháng __năm __của __về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ___[Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ___ngày ___tháng ___năm ____ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;
Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)
Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Fax:
E-mail:
Tài khoản:
Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:
Chức vụ:
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

II.Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Fax:
E-mail:
Tài khoản:
Mã số thuế:
Đại diện là ông/bà:
Chức vụ:
Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
5. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong HSYC, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán : chuyển khoản.

b) Phương thức và điều kiện thanh toán :

- Sau khi ký hợp đồng xây lắp, nhà thầu phải nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho gói thầu trúng thầu bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng theo quy định của Bên A tại **Mẫu số 9 Chương V (bằng 2-3% giá trị hợp đồng)**.
- Bên A có thể tạm ứng đợt 1 có giá trị đến 30% giá trị hợp đồng cho Bên B ngay sau khi hợp đồng được ký kết và Bên B đệ trình :

  1.Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

  2.Bảo lãnh tạm ứng.

- Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng 30% giá trị hợp đồng bằng đồng Việt Nam. Bảo lãnh phải được phát hành bởi Ngân hàng Việt Nam nằm trong danh sách quy định của Bên A (Bảo lãnh tạm ứng phải theo **Mẫu số 10 Chương V**, có chữ ký người bảo lãnh hợp lệ, đủ thẩm quyền). Chủ đầu tư không chấp nhận thư bảo lãnh tạm ứng không theo mẫu và không đúng nội dung nêu trong hợp đồng này với bất kỳ lý do nào.
- Thời hạn có hiệu lực của thư bảo lãnh tạm ứng được tính từ thời điểm Bên B đề nghị tạm ứng đến thời điểm sau 07 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành bằng 80% khối lượng thi công tại công trường có xác nhận của Giám sát của Bên A và giá trị này lớn hơn hoặc bằng giá trị mà Bên A đã tạm ứng đợt 1 cho Bên B.
- Tại thời điểm 07 ngày trước khi hết hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng mà Bên A không nhận đủ bảng nghiệm thu khối lượng nêu trên thì bắt buộc Bên B phải gia hạn bảo lãnh tạm ứng này. Trong trường hợp Bên B không chấp nhận gia hạn hoặc thực hiện bảo lãnh mới như trên thì Bên A sẽ yêu cầu ngân hàng chi trả số tiền đã bảo lãnh cho Bên A.
- **Các giai đoạn tạm ứng tiếp theo, Bên A sẽ tạm ứng 80% giá trị khối lượng mà Bên B đã thực hiện (có khấu trừ tạm ứng các đợt trước) khi có Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành của Giám sát của Bên A và Bên B cung cấp hóa đơn GTGT hợp lệ với giá trị là 100% giá trị này**.
- Thời gian thanh toán tạm ứng không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ nghiệm thu thanh toán do Nhà thầu lập và Giám sát Chủ đầu tư xác nhận.
- Chủ đầu tư thanh toán đạt 95% giá trị thực hiện (có trừ phần đã thanh toán) sau khi Nhà thầu hoàn tất hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, nghiệm thu với cơ quan chức năng (nếu có) để bàn giao cho Bên A, cung cấp hóa đơn GTGT hợp lệ với giá trị là 100% giá trị thực hiện và hai bên hoàn tất xong các thủ tục quyết toán, **5% còn lại sẽ được thanh toán sau khi hết hạn bảo hành. Hoặc thanh toán 100% giá trị thực hiện nếu nhà thầu cung cấp một chứng thư bảo lãnh bảo hành hợp lệ theo quy định của Bên A tại Mẫu số 11 Chương V trị giá 5% giá trị thực hiện**.

  Lưu ý: Các thư bảo lãnh của các ngân hàng phải nằm trong danh sách các ngân hàng theo quy định của bên A và ưu tiên phát hành bởi các chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh.

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: tối đa **150 ngày** (*không bao gồm chủ nhật và ngày lễ*).

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

a. Điều chỉnh phát sinh tăng nếu :

- Trong quá trình thi công có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư dẫn tới thay đổi khối lượng so với dự toán ban đầu làm tăng khối lượng thi công. Những thay đổi này phải được chủ đầu tư chấp thuận.
- Khối lượng thi công thực tế theo đúng thiết kế cao hơn khối lượng dự toán hợp đồng.

- Căn cứ để quyết toán giá trị điều chỉnh phát sinh là:
a. Đơn giá của Dự toán thi công, Hồ sơ dự thầu.
b. Căn cứ Thông báo giá của Liên Sở TCVG - XD tại thời điểm phát sinh.
c. Căn cứ giá đã thỏa thuận của bên A và bên B theo đơn giá, định mức Nhà nước và các qui định
về hệ số nhân công, máy thi công, trực tiếp phí khác, chi phí chung, lợi nhuận, lán trại của nhà nước
tại thời điểm phát sinh trong trường hợp đơn giá không có trong điểm a và b nêu trên.
b. Điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau:
- Những phần việc mà bên B thi công không đảm bảo chất lượng.
- Khối lượng công tác được thay đổi không thực hiện, hoặc không cần thực hiện theo yêu cầu của bên A.
- Khối lượng thi công thực tế thấp hơn khối lượng dự toán hợp đồng.
- Giá trị giảm căn cứ khối lượng nghiệm thu thực tế, đơn giá áp dụng đơn giá trong dự toán hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: ngay sau khi hợp đồng được ký kết, chủ đầu tư sẽ trả lại bảo đảm dự thầu sau khi nhà thầu thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: *tiền mặt hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam* ***theo quy định của Bên A tại Mẫu số 9 Chương V (bằng 2-3% giá trị hợp đồng)***.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: *Ghi* ***[giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2%-3% giá hợp đồng]***.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp]*.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B khi Quyết toán.

Điều 10. Phạt và Chấm dứt hợp đồng

1. Nếu Bên B kéo dài việc thi công công trình, không hoàn thành và bàn giao cho bên A đúng thời hạn như trong hợp đồng do lỗi của bên B thì phải chịu xử phạt bằng tiền như sau :
+ Phạt 1% giá trị phần vi phạm cho 10 ngày chậm đầu tiên, phạt tiếp 1.5% giá trị phần vi phạm cho mỗi 10 ngày tiếp theo, cho đến khi tổng mức phạt không vượt quá 12% phần vi phạm.
+ Thời điểm trễ tiến độ hợp đồng xác định căn cứ tiến độ kí kết, lệnh khởi công, nhật kí công trình sau khi loại bỏ thời gian không tính tiến độ không phải do lỗi của Bên B để xác định. Khối lượng hợp đồng bị vi phạm bằng khối lượng dự toán hợp đồng trừ phần khối lượng được Bên A chấp nhận nghiệm thu đến thời điểm trễ tiến độ.

2. Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng với Bên B nếu Bên B có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể

ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

4. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tư vấn giám sát : Không áp dụng

Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật thi công và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

- Thời gian **bảo hành công trình là 12 tháng**, tính từ ngày nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành Bên B có trách nhiệm sửa chữa ngay những hư hỏng do lỗi của Bên B (khi có yêu cầu của Bên A).

- Trong trường hợp quá 21 ngày mà Bên B chưa thực hiện công tác sửa chữa kể từ ngày có thông báo chính thức của Bên A, Bên A có quyền sử dụng hoàn toàn tiền bảo đảm bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

Quá trình bảo hành công trình tuân thủ theo các TCVN có liên quan đến phạm vi công trình, Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và thông tư, quy định liên quan.

Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành và luật PCCC hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, giám sát, Nhà máy và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết ở tòa án kinh tế.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày____tháng_____năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05 trong Mẫu HSYC này]

Mẫu số 09

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.

Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày ..... (sau đây gọi là "Hợp đồng") được ký giữa Công ty..... Mã số thuế.....trụ sở đặt tại ..... (sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh") và Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh") về việc .....

Căn cứ theo yêu cầu của Bên được bảo lãnh về việc phát hành Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng nói trên.

Chúng tôi: NGÂN HÀNG.....

Chi nhánh :

Địa chỉ :

(sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng cam kết chấp nhận thanh toán vô điều kiện cho Bên nhận bảo lãnh số tiền tối đa bằng:.....(bằng chữ:.....) ngay khi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và
- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần chứng minh hoặc giải thích, chỉ cần Bên nhận bảo lãnh nêu rằng Bên được bảo lãnh đã không hoàn thành nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo điều khoản và điều kiện của Hợp đồng.

Giá trị bảo lãnh sẽ được giảm trừ tương ứng với số tiền mà Bên được bảo lãnh phải bồi thường và/hoặc bị phạt do vi phạm Hợp đồng nêu trên mà Bên được bảo lãnh đã thanh toán cho Bên nhận bảo lãnh.

Thời điểm giảm trừ giá trị bảo lãnh là thời điểm Ngân hàng nhận được bản gốc văn bản của Bên nhận bảo lãnh được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp và được đóng dấu hợp pháp của Bên nhận bảo lãnh xác nhận về giá trị bảo lãnh được giảm trừ.

Bảo lãnh này sẽ chấm dứt hiệu lực vào lúc kết thúc giờ làm việc của Ngân hàng chúng tôi vào một trong hai ngày sau đây tùy theo ngày nào đến sớm hơn ("Ngày hết hạn"):

(i) Ngày _____

(ii) Ngày mà Ngân hàng nhận được thông báo của Bên nhận bảo lãnh rằng Bên được bảo lãnh và/hoặc Ngân hàng đã thanh toán các khoản phạt và bồi thường cho Bên nhận bảo lãnh theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh được quy định trong Thư bảo lãnh này. *Nghĩa vụ thanh toán được hoàn thành khi tiền đã vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh.*

Trong thời hạn hiệu lực trên, Thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi trong Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn trong số tiền ..... trong thời hạn hiệu lực nêu trên. Sau thời hạn nêu trên, Thư bảo lãnh này sẽ tự động không còn giá trị hiệu lực dù cho thư bảo lãnh này có được gửi trả lại cho chúng tôi hay không.

Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Bên nhận bảo lãnh và các chứng từ khác liên quan đến Thư bảo lãnh này phải nhận được tại được trụ sở của Ngân hàng ..... trước hoặc vào 16 giờ Ngày hết hiệu lực nêu trên.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.
Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).]

Mẫu số 10

THƯ BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.

Căn cứ các điều khoản, điều kiện hợp đồng số ..... ký ngày ..... (sau đây gọi là "Hợp đồng") giữa Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh") và Công ty .....Mã số thuế.....địa chỉ .....(sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh").

Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh,

Chúng tôi, Ngân Hàng :
Chi nhánh :
Địa chỉ :
(sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng đồng ý cấp cho Bên được bảo lãnh thư bảo lãnh vô điều kiện này và cam kết trong thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh này sẽ trả cho Bên nhận bảo lãnh một khoản tiền là: ..... VNĐ (Ghi bằng chữ: ..... Việt Nam Đồng) ("Số tiền bảo lãnh") trong vòng năm (5) ngày làm việc khi chúng tôi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và

- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần chứng minh hay giải thích, chỉ cần Bên nhận bảo lãnh nêu rằng:

a) Bên được bảo lãnh không trả lại số tiền tạm ứng theo các điều kiện của Hợp đồng,
b) Số tiền mà Bên được bảo lãnh đã không hoàn trả.

Giá trị bảo lãnh sẽ được giảm trừ tương ứng với số tiền tạm ứng được quy định trong thư Bảo lãnh này mà Bên được bảo lãnh phải hoàn trả do vi phạm Hợp đồng đã được thanh toán bởi Bên được bảo lãnh cho Bên nhận bảo lãnh.

Thời điểm giảm trừ giá trị bảo lãnh là thời điểm Ngân hàng nhận được bản gốc văn bản của Bên nhận bảo lãnh được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp và được đóng dấu hợp pháp của Bên nhận bảo lãnh xác nhận về giá trị bảo lãnh được giảm trừ.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân hàng chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này sẽ có hiệu lực khi số tiền tạm ứng là ..... quy định theo Hợp đồng được chuyển khoản vào tài khoản của Bên được bảo lãnh số ..... tại ..... Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi sẽ giới hạn trong số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh tạm ứng cho Bên được bảo lãnh vào tài khoản của Bên được bảo lãnh tại Ngân hàng chúng tôi nhưng không vượt quá Số tiền bảo lãnh.

Bảo lãnh này sẽ chấm dứt hiệu lực vào lúc kết thúc giờ làm việc của Ngân hàng chúng tôi vào một trong hai ngày sau đây tùy theo ngày nào đến sớm hơn ("Ngày hết hạn"):

(i) Ngày _____

(ii) Ngày mà Ngân hàng nhận được thông báo của Bên nhận bảo lãnh rằng Bên được bảo lãnh và/hoặc Ngân hàng đã hoàn trả hết số tiền tạm ứng liên quan đến Thư bảo lãnh này cho Bên nhận bảo lãnh. *Nghĩa vụ thanh toán được hoàn thành khi tiền đã vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh.*

Trong thời hạn trên, Thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Bên nhận bảo lãnh và các chứng từ khác liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được nhận bởi Ngân hàng chúng tôi trước hoặc chậm nhất vào Ngày hết hạn. Sau Ngày hết hạn nêu trên, thư bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực cho dù bản chính thư bảo lãnh này có được trả cho Ngân hàng hay không.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.

Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).]

Mẫu số 11

THƯ BẢO LÃNH BẢO HÀNH
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.
(sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh")

Căn cứ Hợp đồng số .....ngày ..... được ký kết giữa Qúy Công ty và Công ty..... Mã số thuế.....địa chỉ.....(sau nay được gọi là "Bên được bảo lãnh") về việc .....

Căn cứ yêu cầu của Bên được bảo lãnh về việc phát hành thư bảo lãnh bảo hành cho hợp đồng nói trên.

Chúng tôi: NGÂN HÀNG .....

Chi nhánh :

Địa chỉ :

(Sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng cam kết thanh toán cho Bên nhận bảo lãnh số tiền tối đa bằng :.....(bằng chữ:.....) trong vòng năm (5) ngày làm việc ngay sau khi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và
- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần chứng minh hay giải thích cho yêu cầu của mình, miễn là trong đó nêu rằng Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ....., (sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực"). Trong thời hạn hiệu lực trên, thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

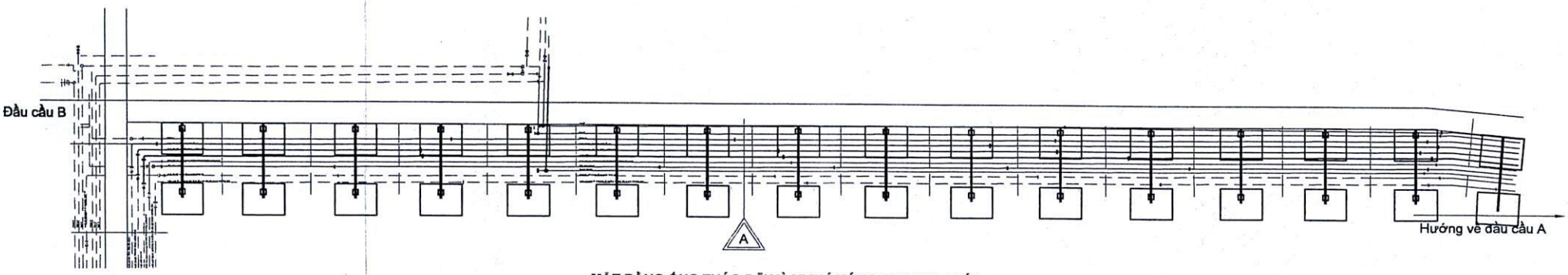
Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi trong bảo lãnh này chỉ giới hạn trong số tiền .....và trong thời hạn hiệu lực nêu trên. Sau Ngày hết hiệu lực, Thư bảo lãnh này sẽ tự động không còn giá trị dù bản chính thư bảo lãnh này có được gửi lại cho chúng tôi hay không.

Mọi yêu cầu, khiếu nại của Bên nhận bảo lãnh liên quan đến bảo lãnh này phải được nhận bởi Ngân hàng trước hoặc chậm nhất vào Ngày hết hiệu lực nêu trên.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

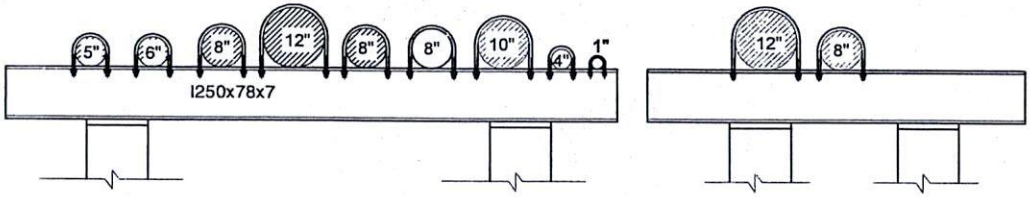
[Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.
Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).]



MẶT BẰNG ỐNG THÁO DỠ VÀ VỊ TRÍ MÓNG SUPPORT MỚI

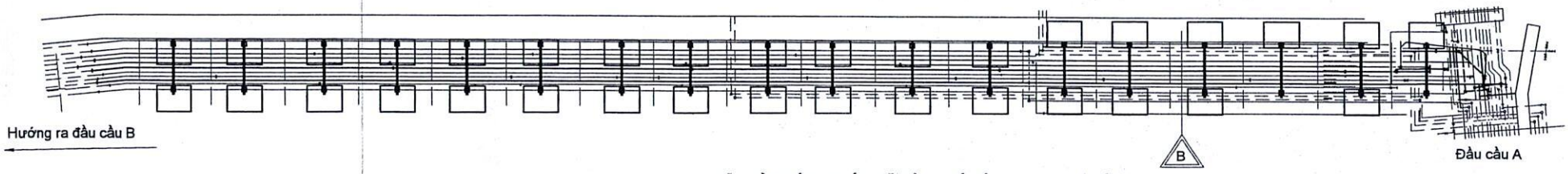
BẢNG THỐNG KÊ

STT	TÊN CÔNG TÁC	Khối lượng (m)							Ghi chú
		12"	10"	8"	6"	5"	4"	1"	
1	Ống 5in gas					70.5			đã tháo dỡ
2	Ống 6in gas				70				đã tháo dỡ
3	Ống 8in PCCC			90.5					
4	Ống 12in DO	90.5							
5	Ống 8in nhập Do (8in cũ)			89					
6	Ống 8in JET A1			89					
7	Ống 10in nhập A95-DO-Con.		89						
8	Ống 4in nước sạch						91		
9	Ống 1in cấp dầu							70.5	
10	Ống 12in FO không sử dụng	91							đã tháo dỡ
11	Ống 8in FOS không sử dụng			91					đã tháo dỡ
12	Tổng cộng	181.5	89	359.5	70	70.5	91	70.5	

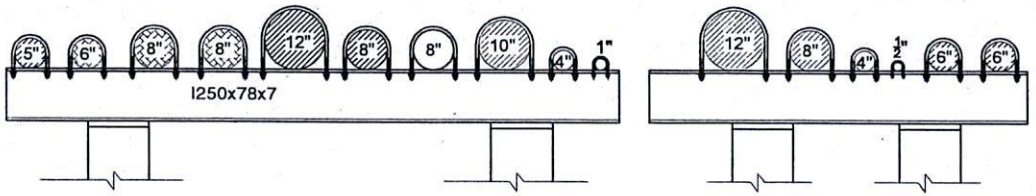


MẶT CẮT A - A

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY: 24/11/2021
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Vĩnh Hoàng				B.VẼ SỐ 1/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thành				
Thiết kế				BẢN VẼ: MẶT BẰNG THÁO DỠ ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN GIỮA BỜ KÈ	REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



MẶT BẰNG ỐNG THÁO DỠ VÀ VỊ TRÍ MÓNG SUPPORT MỚI

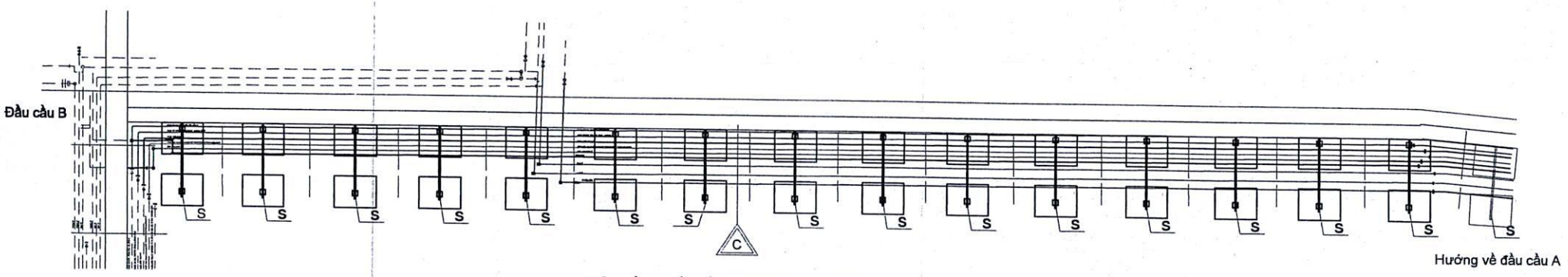


MẶT CẮT B - B

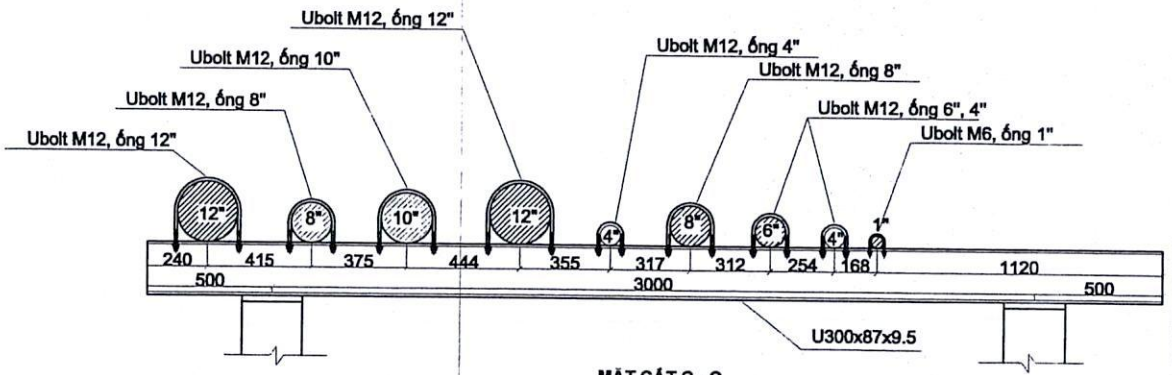
BẢNG THỐNG KÊ

STT	TÊN CÔNG TÁC	Khối lượng (m)								Ghi chú
		12"	10"	8"	6"	5"	4"	1"	1/2"	
1	Ống 5in gas					115				đã tháo dỡ
2	Ống 12in Do	107								
3	Ống 8in Do			117						
4	Ống 8in Jet A1			117						
5	Ống 10in nhập A95-DO-Con.		110							
6	Ống 4in nước sạch						110			
7	Ống 1in							110		
8	Ống 12in FO không sử dụng	117								đã tháo dỡ
9	Ống 8in FOS không sử dụng			117						đã tháo dỡ
10	Ống 1/2in khí nén								72	
11	Ống 6in gas				107					đã tháo dỡ
12	Ống 8 PCCC		125							
13	Tổng cộng	224	235	351	107	115	110	110	72	

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY: 24/11/2021
Trưởng phòng	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Vĩnh Hòa				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 2/14
Thiết kế				BẢN VẼ: MẶT BẰNG THÁO DỠ ĐƯỜNG ỐNG TỪ GIỮA BỜ KÈ ĐẾN ĐẦU CẦU A	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					



MẶT BẰNG BỐ TRÍ SUPORT MỚI VÀ ỐNG MỚI



MẶT CẮT C - C

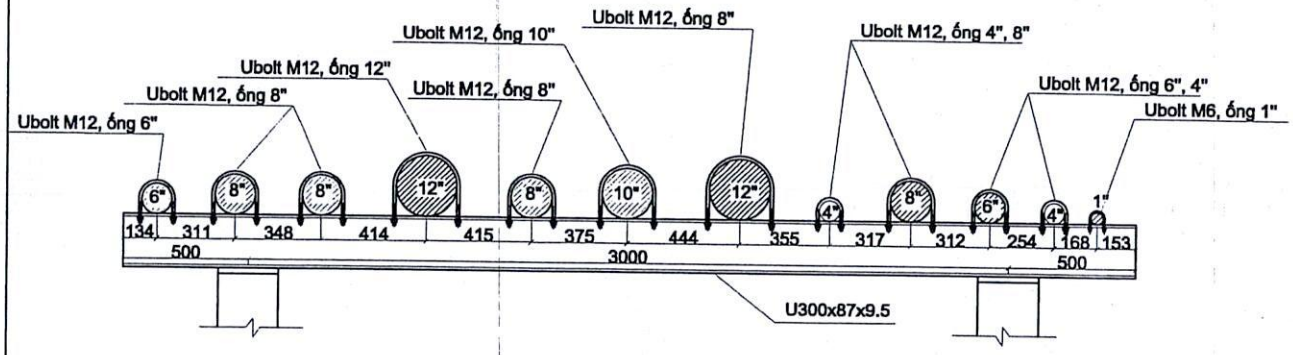
BẢNG THỐNG KÊ

Ubolt M12				
STT	Tên tuyến ống	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 12in Do	bộ	15	
2	Ống 10in Do	bộ	15	
3	Ống 10in Jet	bộ	15	
4	Ống 12in A95	bộ	15	
5	Ống 4in Nước sạch	bộ	15	
6	Ống 8in PCCC	bộ	15	
7	Ống 6in gas	bộ	10	
8	Ống 4in gas	bộ	10	
9	Ống 1in cấp dầu	bộ	10	

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY: 27/11/2025
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Vĩnh Hiệp				B.VẼ SỐ 3/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN GIỮA BỜ KÈ	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



MẶT BẰNG BỐ TRÍ SUPORT MỚI VÀ ỐNG MỚI

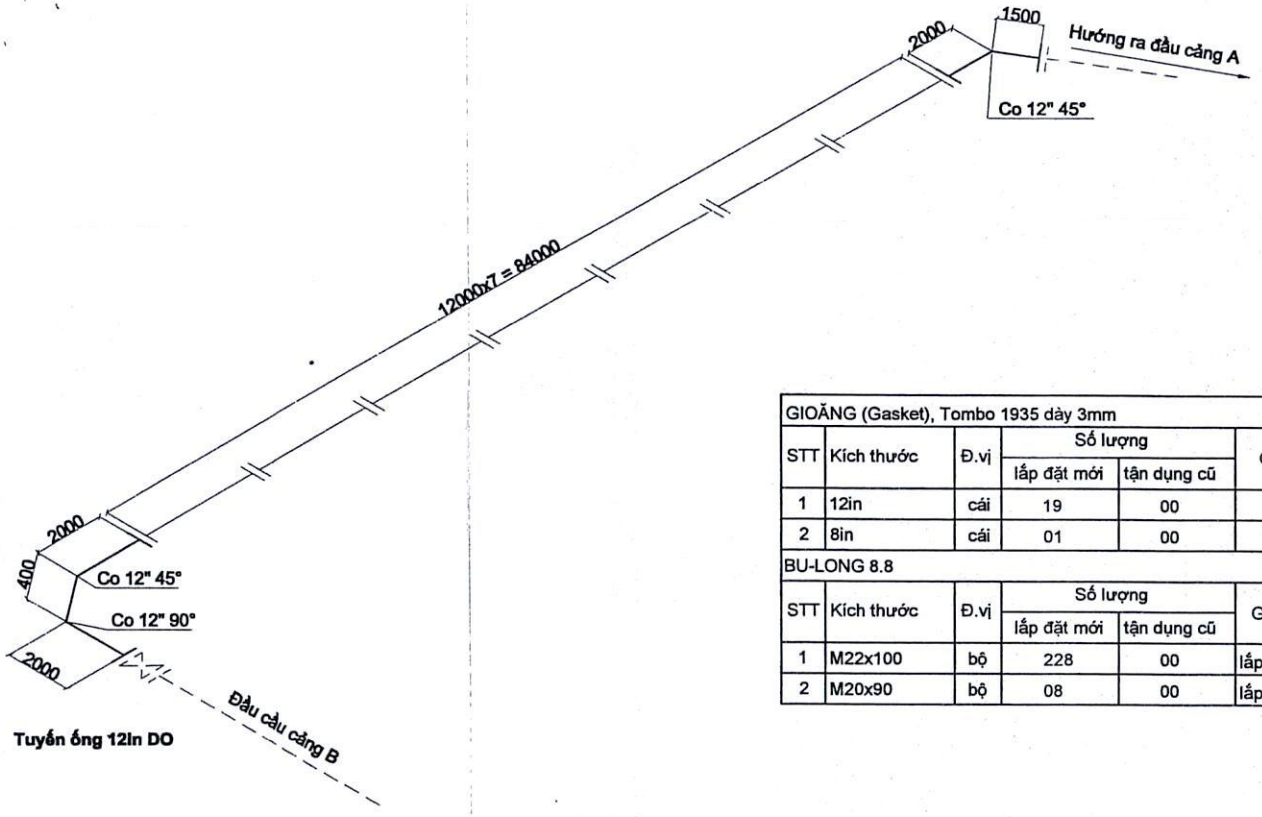


MẶT CẮT D - D

BẢNG THỐNG KÊ

Ubolt M12				
STT	Tên tuyến ống	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 6in nhớt	bộ	06	
2	Ống 8in nhớt	bộ	06	
3	Ống 8in nhớt	bộ	06	
4	Ống 12in Do	bộ	18	
5	Ống 10in Do	bộ	18	
6	Ống 10in Jet	bộ	18	
7	Ống 12in A95	bộ	18	
8	Ống 4in Nước sạch	bộ	18	
9	Ống 8in PCCC	bộ	18	
10	Ống 6in gas	bộ	18	
11	Ống 4in gas	bộ	18	
12	Ống 1in cấp dầu	bộ	18	

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY: 24/11/2025
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẦNG B ĐẾN CÔNG ĐẦU CẦNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Vĩnh Hoàng				B.VẼ SỐ 4/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thắng			BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG MỚI TỪ GIỮA BỜ KÈ ĐẾN ĐẦU CẦU A	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



Tuyến ống 12in DO

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 12in	m	18.6	186	
2	Ống 8in	m	00	0.2	

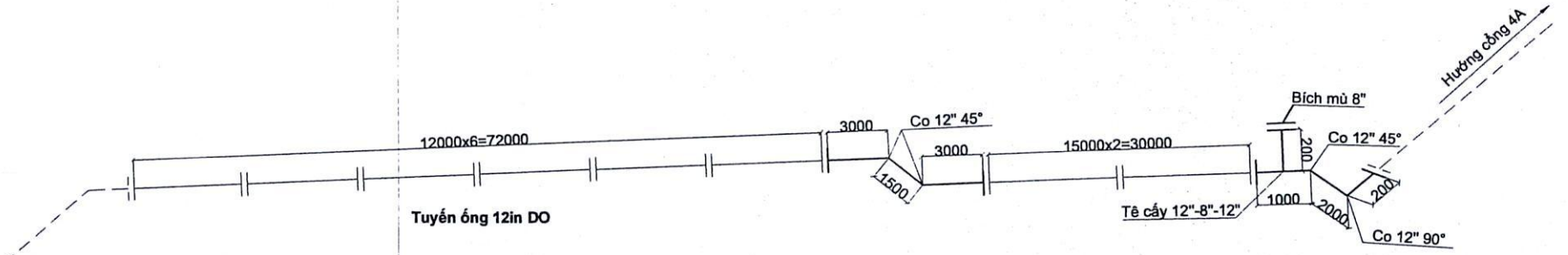
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in	cái	14	24	dự phòng 6c
2	8in	cái	01	00	
3	bích mù 8in	cái	01	00	

KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in 90°	cái	02	00	
2	12in 45°	cái	05	00	

RẼ CÔ ÁO (TEES), tê cấy					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12"-8"-12"	cái	01	00	tee cấy

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in	cái	19	00	
2	8in	cái	01	00	

BU-LONG 8.8					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M22x100	bộ	228	00	lắp 12", 10"
2	M20x90	bộ	08	00	lắp 8"



Tuyến ống 12in DO

Ghi chú :

Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ, gia công lắp đặt lại.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY: 24/11/202
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẦNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẦNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Vũ Vĩnh Hà				B.VẼ SỐ 5/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG DO 12IN MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					

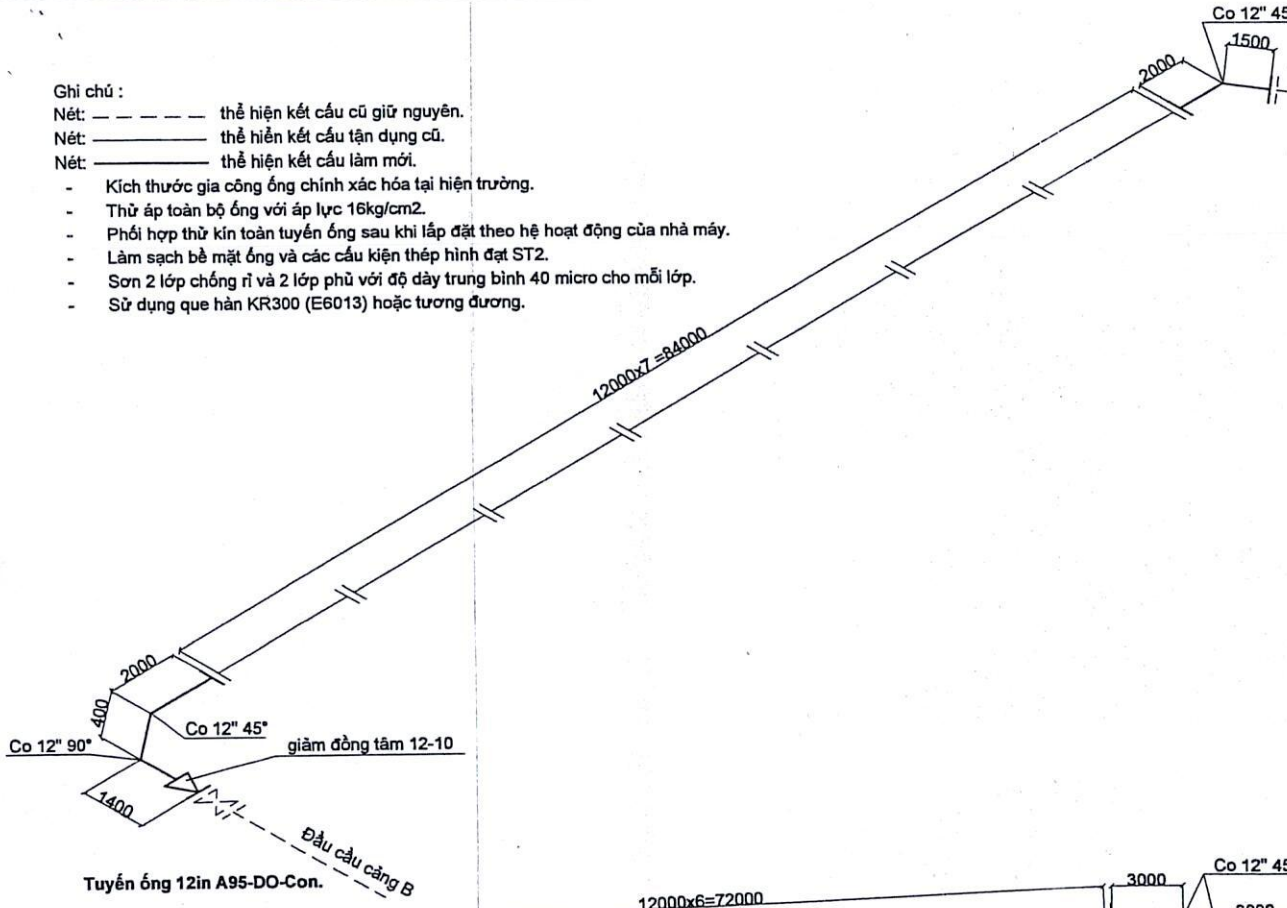
Ghi chú :

Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

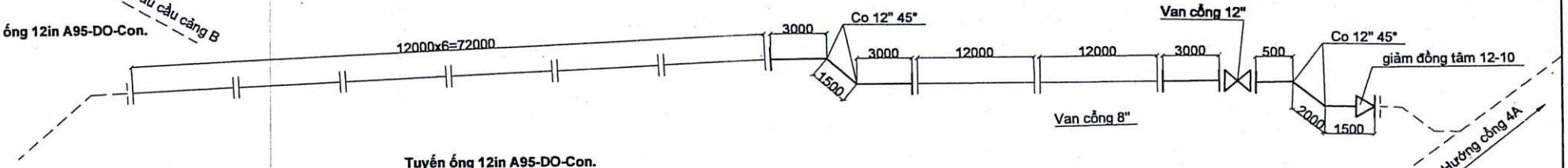
- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.



Tuyến ống 12in A95-DO-Con.

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 12in	m	21.8	180	
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in	cái	30	14	dự phòng 6c
2	10in	cái	02	00	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in 90°	cái	01	00	
2	12in 45°	cái	06	00	
VAN CỔNG (GATE VALVE)					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in	cái	01	00	
GIẢM LỆCH TÂM, Sch 40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12"-10"	cái	02	00	



Tuyến ống 12in A95-DO-Con.

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	12in	cái	20	00	
2	10in	cái	02	00	
BU-LONG 8.8					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M22x100	bộ	264	00	lắp 12", 10"

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Quốc Hùng				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 08/14
Thiết kế				BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG 12IN XĂNG A95 MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					

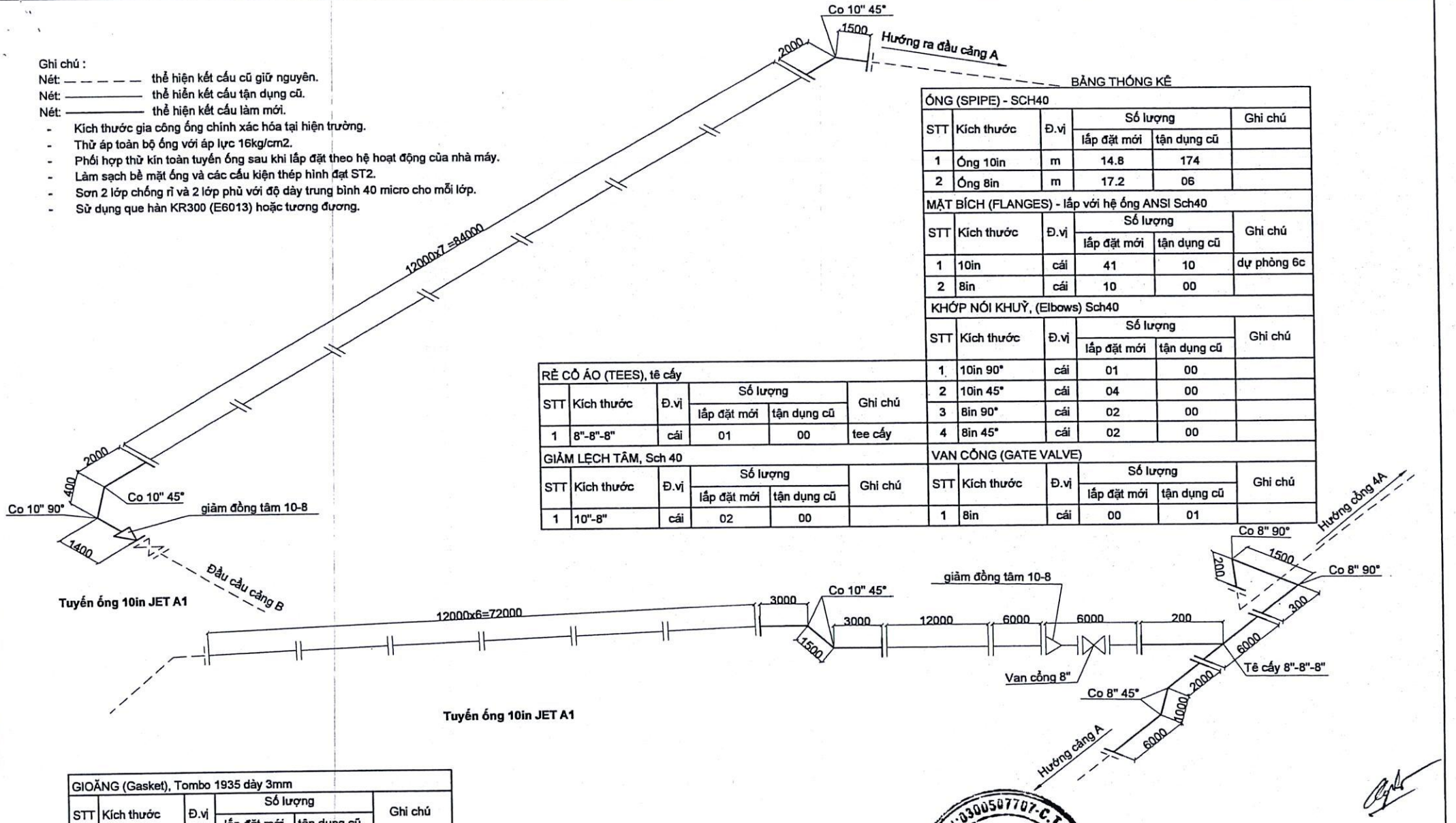
Ghi chú :

Nét: – – – – – – thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.



BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 10in	m	14.8	174	
2	Ống 8in	m	17.2	06	

MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	10in	cái	41	10	dự phòng 6c
2	8in	cái	10	00	

KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	10in 90°	cái	01	00	
2	10in 45°	cái	04	00	
3	8in 90°	cái	02	00	
4	8in 45°	cái	02	00	

RẼ CỔ ÁO (TEES), tê cấy

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8"-8"-8"	cái	01	00	tee cấy

GIẢM LỆCH TÂM, Sch 40

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	10"-8"	cái	02	00	

VAN CỔNG (GATE VALVE)

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in	cái	00	01	

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	10in	cái	18	00	
2	8in	cái	08	00	

BU-LONG 8.8

STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M22x100	bộ	216	00	lắp 12", 10"
1	M20x90	bộ	64	00	lắp 8"

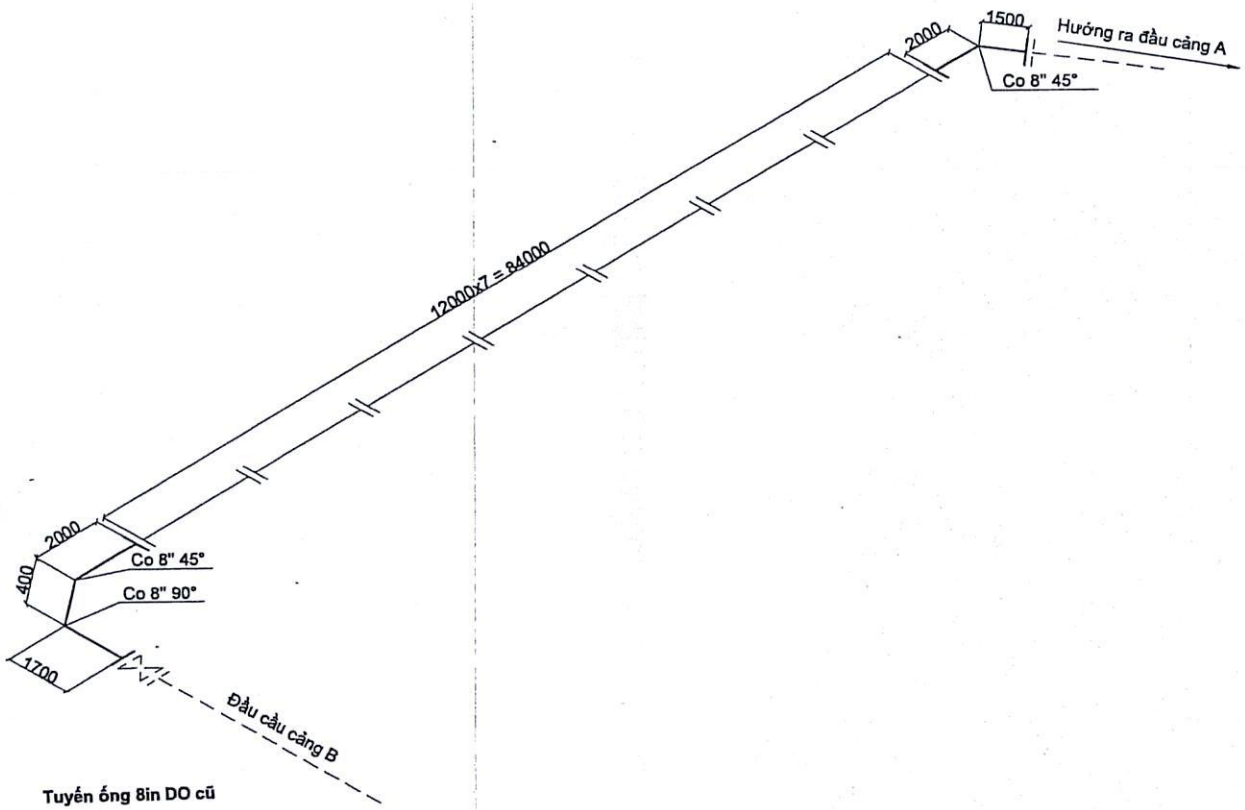
CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI
Tr.nhiệm	Tổng Giám đốc		Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A
Giám đốc				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			
Thiết kế				BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG 10IN JET MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A
Vẽ	Lê Trọng Tiến			
Kiểm tra				

NGÀY:

TỈ LỆ:

B.VẼ SỐ 9/14

REV 00



Tuyến ống 8in DO cũ

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 8in	m	28.1	180	

MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in	cái	33	16	dự phòng 6c

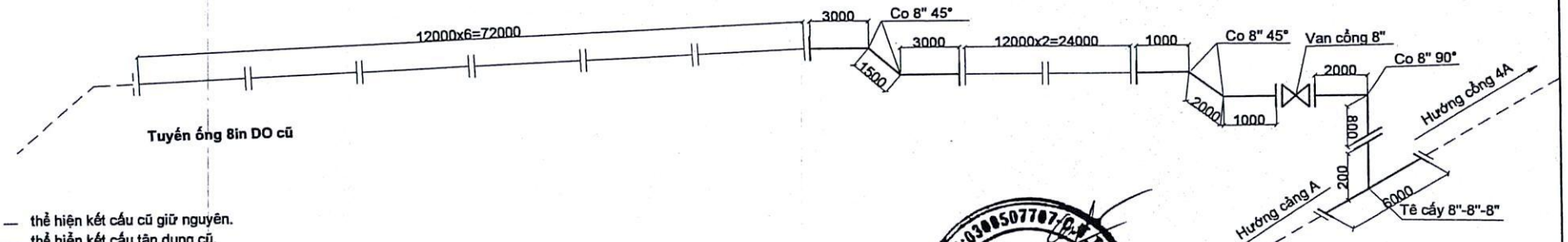
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in 90°	cái	02	00	
2	8in 45°	cái	06	00	

VAN CỔNG (GATE VALVE)					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in	cái	00	01	

RẼ CÔ ÁO (TEES), tê cấy					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8"-8"-8"	cái	01	00	tee cấy

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in	cái	24	00	

BU-LONG 8.8					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M20x90	bộ	192	00	lắp 8"



Tuyến ống 8in DO cũ

Ghi chú :

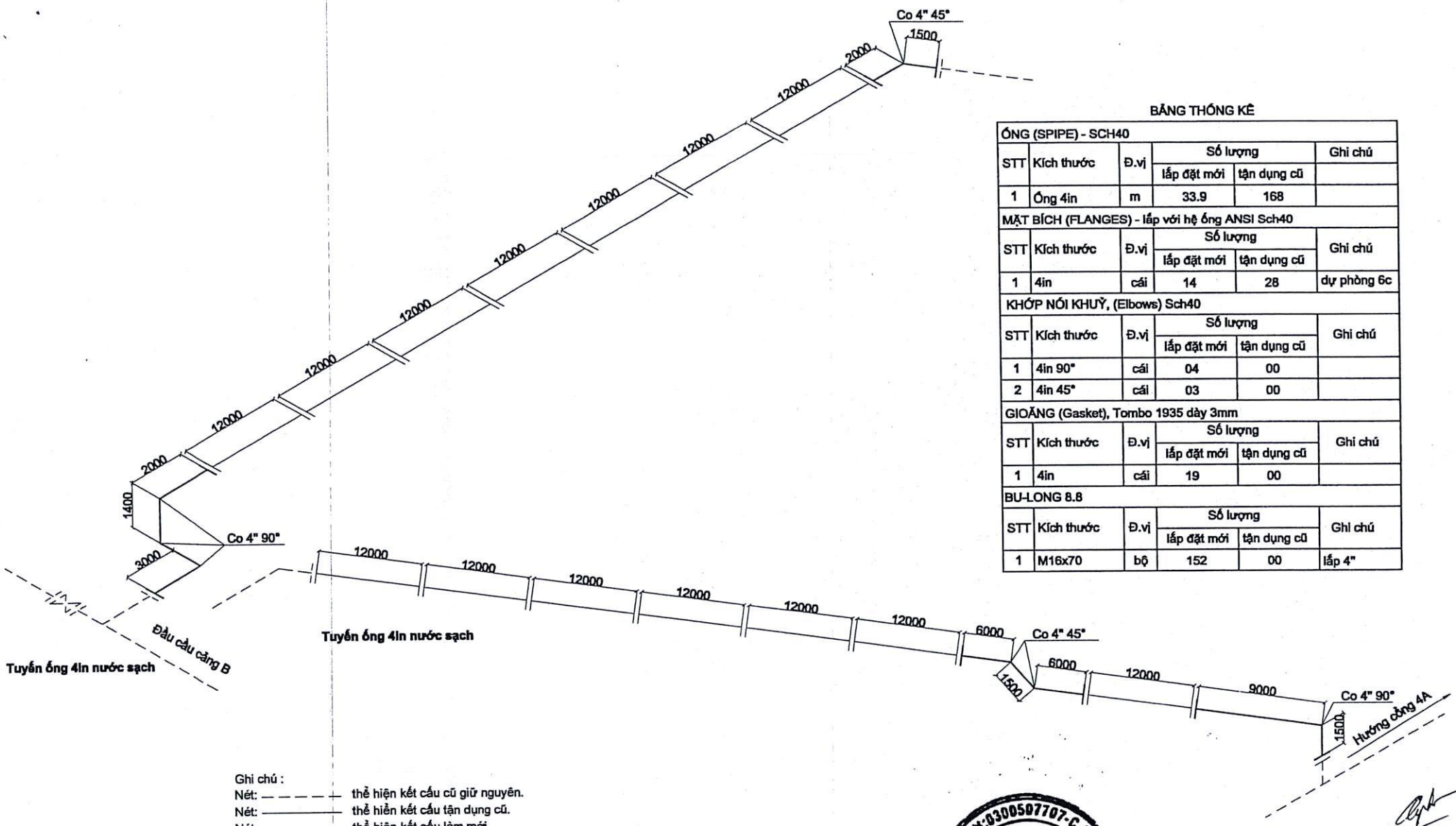
Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.nhiệm			Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc					B.VẼ SỐ 10/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thành			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG 8IN DO MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A	REV 00
Thiết kế					
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 4in	m	33.9	168	
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	4in	cái	14	28	dự phòng 6c
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	4in 90°	cái	04	00	
2	4in 45°	cái	03	00	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	4in	cái	19	00	
BU-LONG 8.8					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M16x70	bộ	152	00	lắp 4"

Ghi chú :

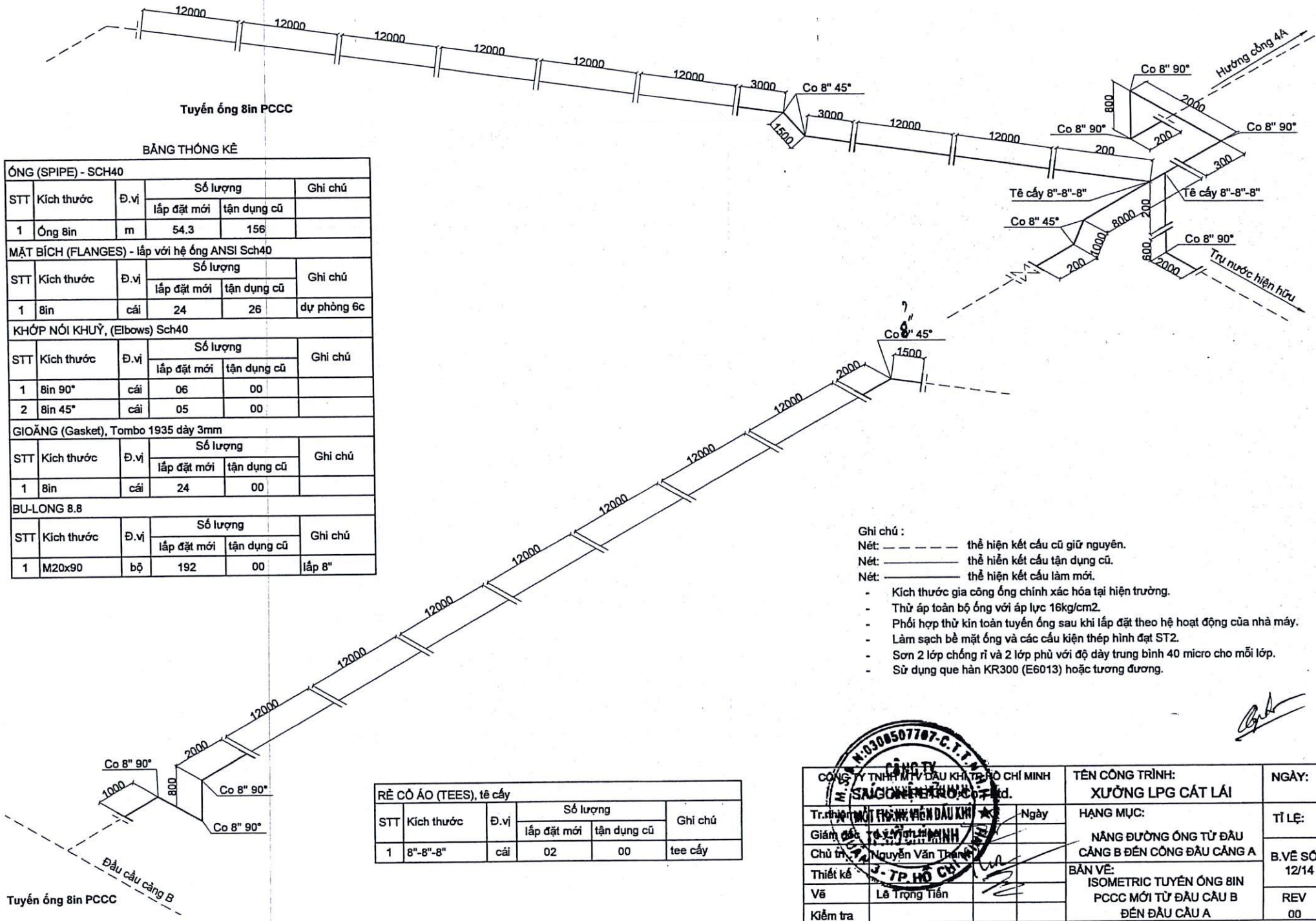
Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Quốc Thanh				B.VẼ SỐ 11/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG 4IN NƯỚC SẠCH MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



Tuyến ống 8in PCCC

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 8in	m	54.3	156	

MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in	cái	24	26	dự phòng 6c

KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in 90°	cái	06	00	
2	8in 45°	cái	05	00	

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8in	cái	24	00	

BU-LONG 8.8					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M20x90	bộ	192	00	lắp 8"

RÈ CÔ ÁO (TEES), tê cấy					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	8"-8"-8"	cái	02	00	tee cấy

Ghi chú :

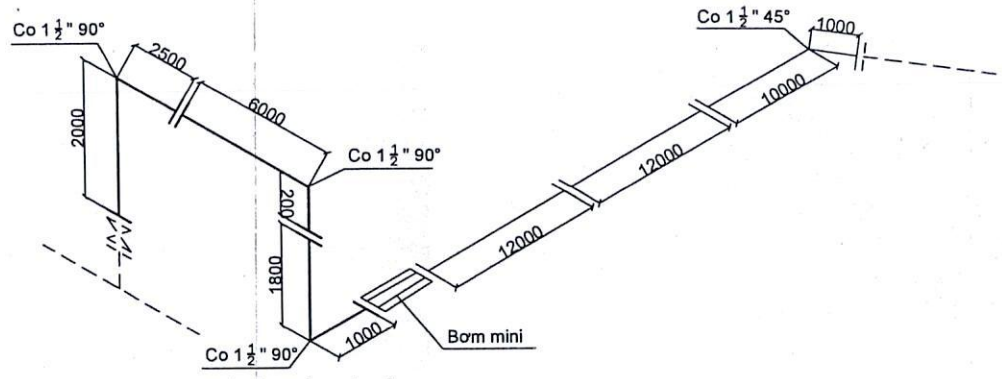
Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

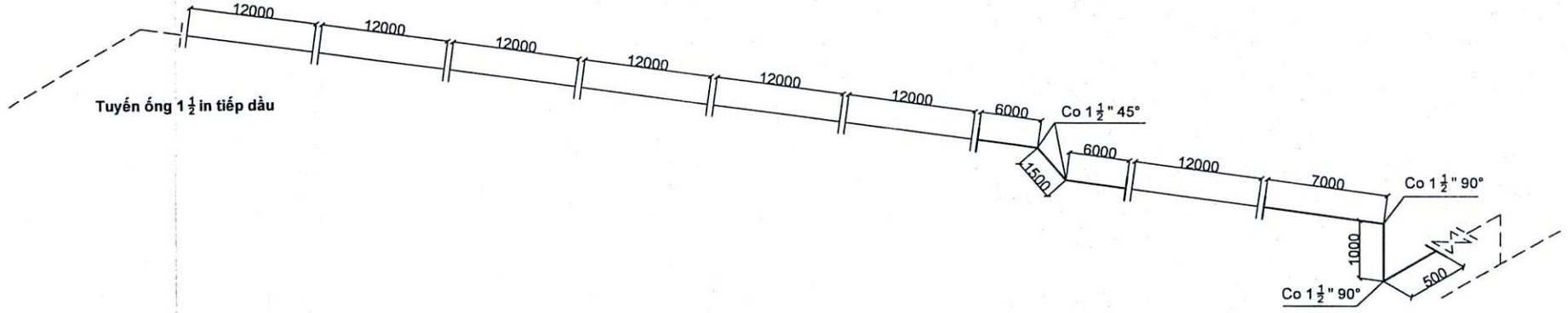
CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.tháng			Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc					B.VẼ SỐ 12/14
Chủ trì	Nguyễn Văn Thành				
Thiết kế				BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG 8IN PCCC MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A	REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



Tuyến ống 1 ½ in tiếp dầu

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	Ống 1 ½ in	m	35.5	118	
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	1 ½ in	cái	10	22	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	1 ½ in 90°	cái	05	00	
2	1 ½ in 45°	cái	03	00	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	1 ½ in	cái	17	00	
BU-LONG 8.8					
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng		Ghi chú
			lắp đặt mới	tận dụng cũ	
1	M14x60	bộ	68	00	lắp 1 ½ "



Tuyến ống 1 ½ in tiếp dầu

Ghi chú :

Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiển kết cấu tận dụng cũ.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

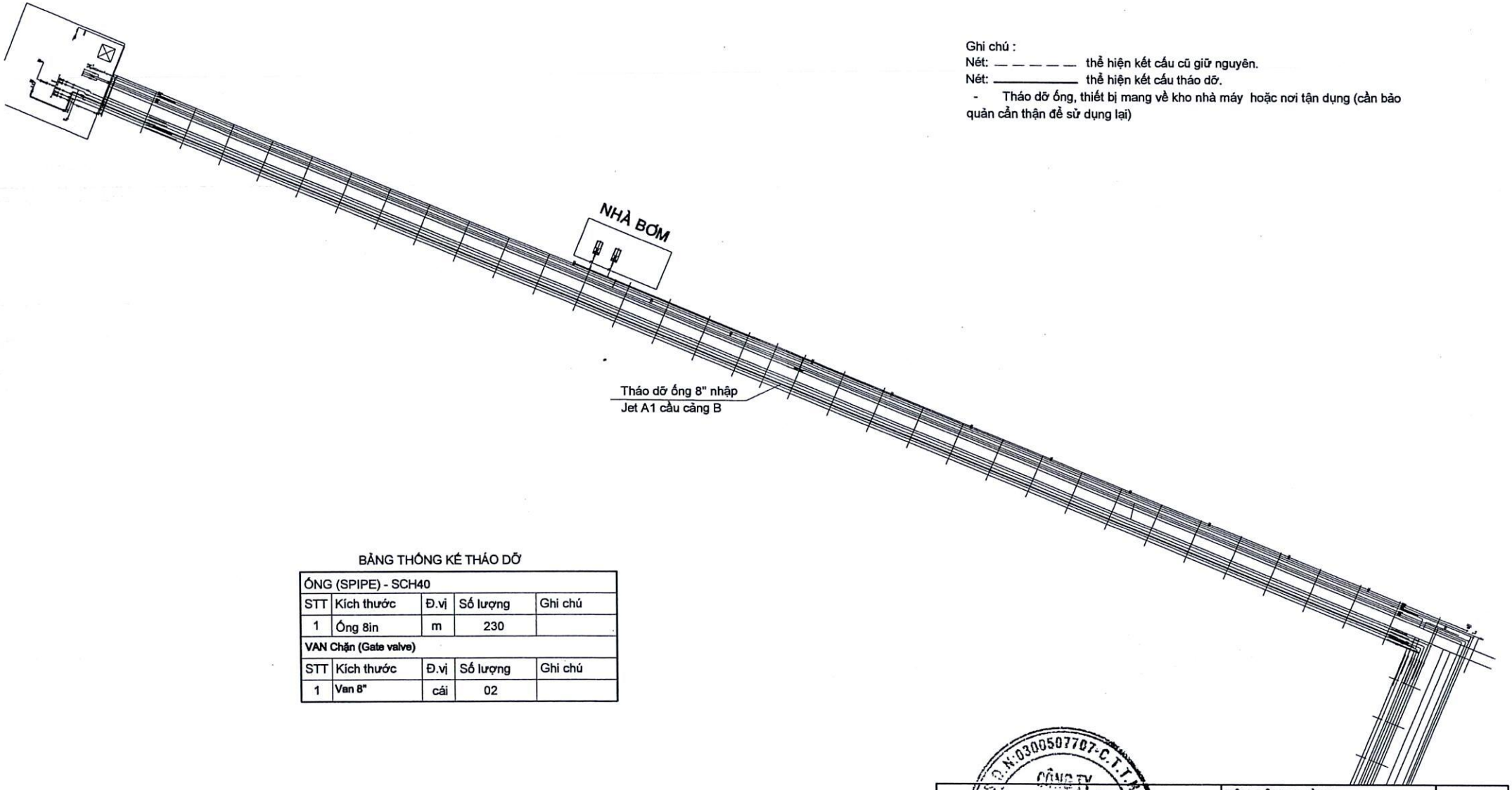
CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP HỒ CHÍ MINH SAIGON PETROLEUM Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.nhiệm	Hồ Ngọc Tiến	Ký	Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CỔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	Lý Vĩnh Hòa				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 13/14
Thiết kế				BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG CẤP DẦU 1½ IN MỚI TỪ ĐẦU CẦU B ĐẾN ĐẦU CẦU A	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					

Ghi chú :

Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiện kết cấu tháo dỡ.

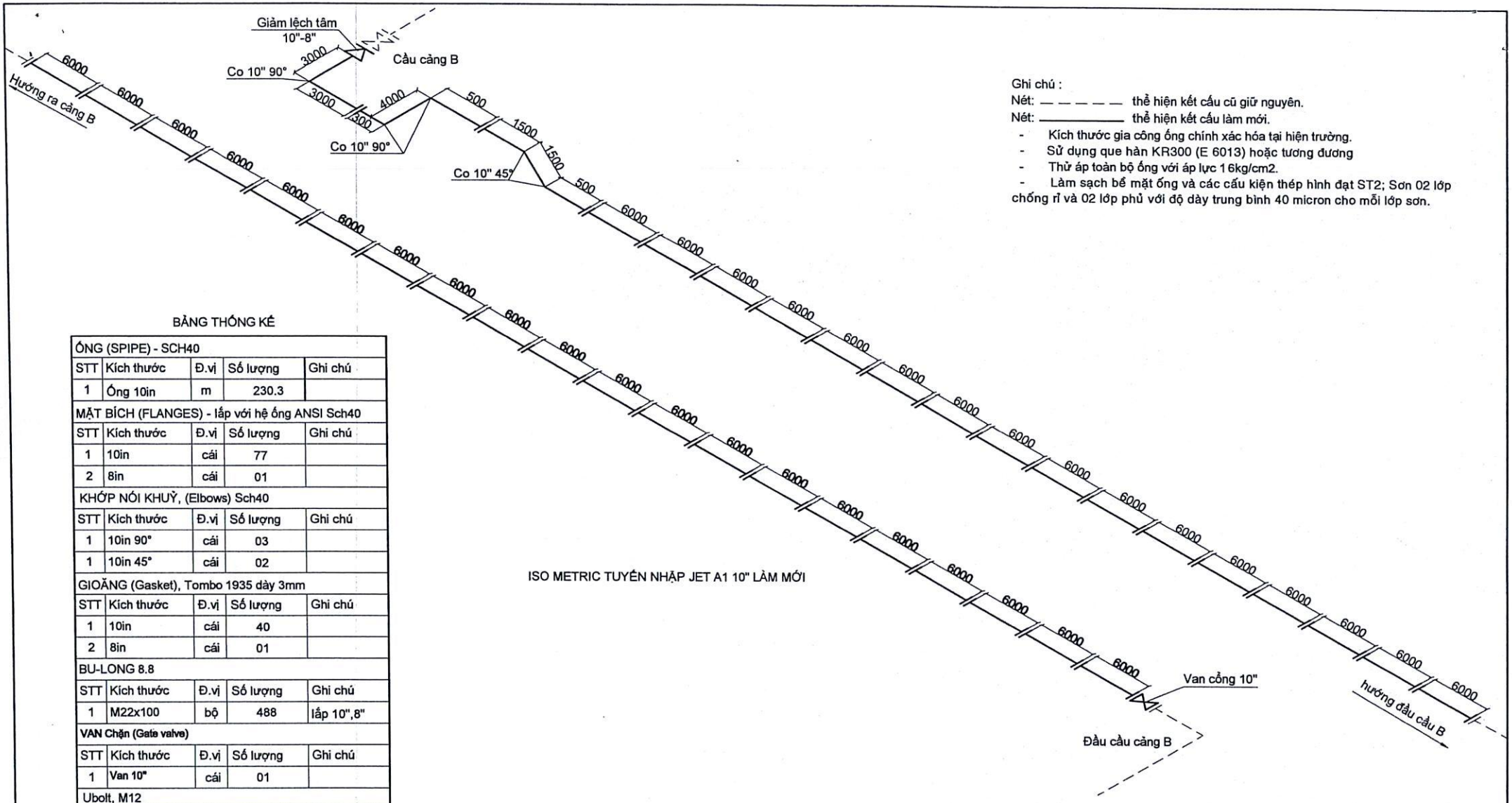
- Tháo dỡ ống, thiết bị mang về kho nhà máy hoặc nơi tận dụng (cần bảo quản cẩn thận để sử dụng lại)



BẢNG THỐNG KÊ THÁO DỠ

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 8in	m	230	
VAN Chặn (Gate valve)				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Van 8"	cái	02	

CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO CO., Ltd				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.nhiệm			Ngày	HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CÔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lê Văn Hoàng				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 01/02
Thiết kế				BẢN VẼ: MB TỔNG THỂ THÁO DỠ TUYẾN ỐNG NHẬP JET A1 CẦU CẢNG B	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					



ISO METRIC TUYẾN NHẬP JET A1 10" LÀM MỚI

Ghi chú :

Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Sử dụng que hàn KR300 (E 6013) hoặc tương đương
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2; Sơn 02 lớp chống rỉ và 02 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micron cho mỗi lớp sơn.

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 10in	m	230.3	
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	10in	cái	77	
2	8in	cái	01	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	10in 90°	cái	03	
1	10in 45°	cái	02	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	10in	cái	40	
2	8in	cái	01	
BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M22x100	bộ	488	lắp 10",8"
VAN Chặn (Gate valve)				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	**Van 10"**	cái	01	
Ubolt, M12				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	10"	cái	40	

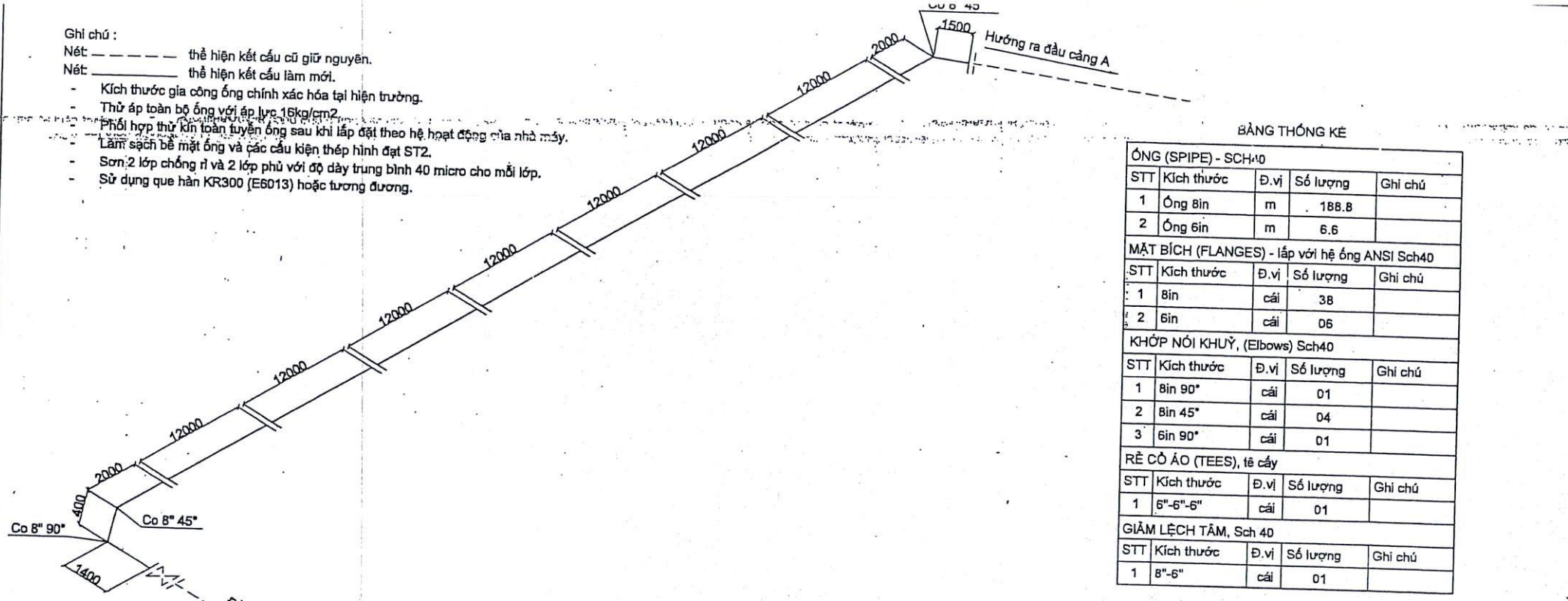
CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO CO.,LTD				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY:
Tr.nhiệm		Ngày		HẠNG MỤC: NÂNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ ĐẦU CẢNG B ĐẾN CÔNG ĐẦU CẢNG A	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Văn Cường				B.VẼ SỐ 02/02
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG NHẬP 10" JET A1	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					

Ghi chú :

Nét: – – – – – – thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.



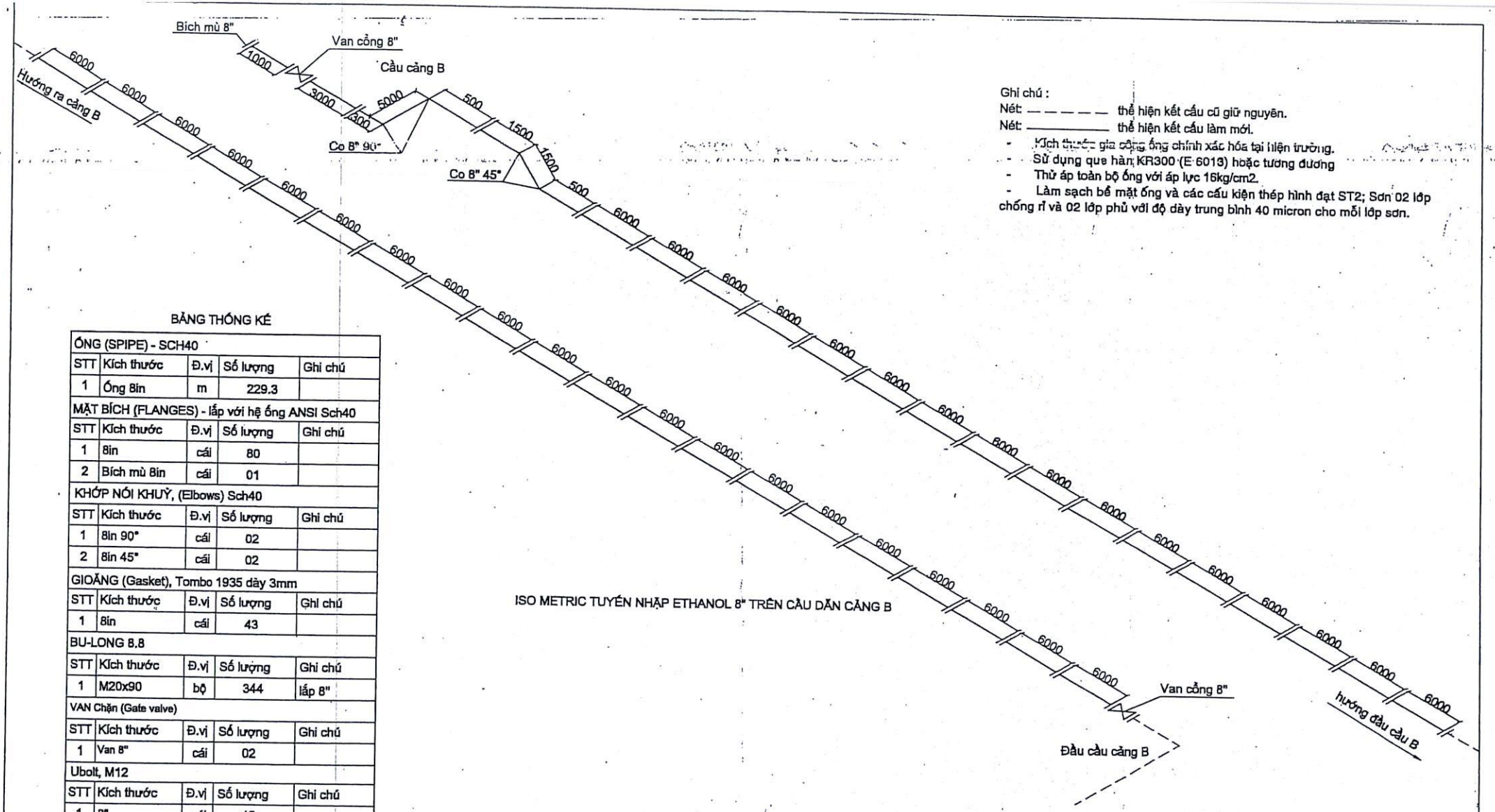
BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 8in	m	188.8	
2	Ống 6in	m	6.6	
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in	cái	38	
2	6in	cái	06	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in 90°	cái	01	
2	8in 45°	cái	04	
3	6in 90°	cái	01	
RÈ CÓ ÁO (TEES), tê cấy				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	6"-6"-6"	cái	01	
GIẢM LỆCH TÂM, Sch 40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8"-6"	cái	01	

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in	cái	19	
2	6in	cái	04	
BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M20x90	bộ	152	lắp 8"
2	M18x80	bộ	32	lắp 8"
VAN Chặn (Gate valve)				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Van 6"	cái	01	
Ubolt, M12				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8"	cái	40	
2	6"	cái	4	

Iso Metric Tuyến ống 8in nhập ETHANOL từ đầu cầu dẫn càng B đến đầu cầu dẫn càng A

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP HỒ CHÍ MINH SAIGON PETROCO Ltd.			TÊN CÔNG TRÌNH: XƯỞNG LPG CÁT LÁI	NGÀY: 06/5/2026
Tr.nhiệm	Hồ [illegible]	Ngày	HẠNG MỤC: TUYẾN ỐNG NHẬP ETHANOL TỪ CẦU CẢNG B KẾT NỐI VÀO TUYẾN ỐNG NHẬP XUẤT ĐẦU CẦU DẪN CẢNG A	TỈ LỆ:
Giám đốc	L[illegible]			
Chủ trì	Nguyễ[illegible]			B.VẼ SỐ 01/02
Thiết kế			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG NHẬP ETHANOL TỪ ĐẦU CẦU DẪN B ĐẾN ĐẦU CẦU DẪN CẢNG A	
Vẽ	Lê Trọng Tiến			REV 00
Kiểm tra				



Ghi chú :

Nét: - - - - - - thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ——— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Sử dụng que hàn KR300 (E 6013) hoặc tương đương
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2; Sơn 02 lớp chống rỉ và 02 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micron cho mỗi lớp sơn.

ISO METRIC TUYẾN NHẬP ETHANOL 8" TRÊN CẦU DẪN CẢNG B

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 8in	m	229.3	
MẶT BÍCH (FLANGES) - lắp với hệ ống ANSI Sch40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in	cái	80	
2	Bích mù 8in	cái	01	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in 90°	cái	02	
2	8in 45°	cái	02	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in	cái	43	
BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M20x90	bộ	344	lắp 8"
VAN Chặn (Gate valve)				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	Van 8"	cái	02	
Ubolt, M12				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8"	cái	45	

CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 06/5/2026
Tr.nhiệm			Ngày	HẠNG MỤC: TUYẾN ỐNG NHẬP ETHANOL TỪ CẦU CẢNG B KẾT NỐI VÀO TUYẾN ỐNG NHẬP XUẤT ĐẦU CẦU DẪN CẢNG A	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Chí Hoàng Minh				B.VẼ SỐ 02/02
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG NHẬP ETHANOL TRÊN CẦU DẪN CẢNG B	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					